

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH LÂM ĐỒNG
CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC VÀ XÂY DỰNG BẢO LỘC



BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2023

Số: 83/BC-CTNBL

Tp. Bảo Lộc, 03/2024



BẢN CÔNG BỐ THÔNG TIN

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC VÀ XÂY DỰNG BẢO LỘC

*Giấy chứng nhận ĐKKD 4203000184 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Lâm Đồng cấp ngày 13/02/2008
–thay đổi lần thứ ba (03) do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Lâm Đồng cấp ngày 06 tháng 12 năm 2016 với
Mã số doanh nghiệp 5800563106*

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

NĂM 2023

BẢN CÔNG BỐ THÔNG TIN SẼ ĐƯỢC CUNG CẤP TẠI

1 - Công ty cổ phần Cấp thoát nước và Xây dựng Bảo Lộc

Địa chỉ: 56 Lê Thị Pha – P.1 – TP. Bảo Lộc – Lâm Đồng

Điện thoại: 263.3864073 Fax: 263.3711608

Website: capnuocbaoloc.com

PHỤ TRÁCH CÔNG BỐ THÔNG TIN

Họ tên: Nguyễn Đông Anh Khoa

Chức vụ: Thư ký Công ty – Cty CP CTN & XD Bảo Lộc

Điện thoại: 0932.077.233 Fax:

Mail: anhkhoa.cntd@gmail.com

MỤC LỤC

I. THÔNG TIN CHUNG:	3
1. Thông tin khái quát công ty	3
2. Quá trình hình thành và phát triển:	3
3. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh	4
4. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý	4
5. Định hướng phát triển	5
II. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM 2023	6
1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh	6
2. Tổ chức và nhân sự:	9
3. Tình hình đầu tư, thực hiện các dự án.	14
4. Tình hình tài chính:	15
5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu	16
III. BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN ĐIỀU HÀNH	17
1. Công tác xây dựng và thực hiện kế hoạch SXKD 2023	18
2. Công tác sắp xếp, phát triển nguồn nhân lực tại Công ty:	18
3. Công tác quản lý, điều hành sản xuất.....	18
4. Công tác đầu tư xây dựng cơ bản và sửa chữa lớn:	19
5. Công tác quản lý, vật tư, tài sản thiết bị	19
6. Công tác Quản lý chất lượng sản phẩm:	19
7. Công tác quản lý Tài chính.....	19
8. Công tác thực hiện chế độ đối với Người lao động.....	20
9. Công tác bảo vệ cơ quan an toàn, an ninh chính trị nội bộ:.....	20
IV. ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	21
1. Đánh giá chung về tình hình hoạt động của công ty	21
2. Đánh giá hoạt động của Ban điều hành:	22
3. Kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị	23
V. QUẢN TRỊ CÔNG TY	24
1. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	24
2. BAN KIỂM SOÁT:	26
3. BAN ĐIỀU HÀNH	27
4. KẾ TOÁN TRƯỞNG.....	27
5. ĐÀO TẠO VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY	27
6. CÁC GIAO DỊCH, THỦ LAO VÀ CÁC KHOẢN LỢI ÍCH CỦA HĐQT, BAN ĐIỀU HÀNH, BAN KIỂM SOÁT	27
VI. BÁO CÁO TÀI CHÍNH NĂM 2023 ĐÃ KIỂM TOÁN	29
1. Ý kiến kiểm toán:	29
2. Báo cáo tài chính 2023 đã kiểm toán.	29

I. THÔNG TIN CHUNG:

1. Thông tin khái quát công ty

- ❖ Tên giao dịch: **Công Ty Cổ Phần Cấp Thoát Nước Và Xây Dựng Bảo Lộc.**
- ❖ Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: **4203000184**, do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Lâm Đồng cấp vào ngày 13 tháng 02 năm 2008, và theo các GCNĐKDN điều chỉnh sau

GCNĐKDN điều chỉnh số

Ngày

5800563106 (Điều chỉnh lần thứ nhất)

Ngày 24 tháng 6 năm 2011

5800563106 (Điều chỉnh lần thứ hai)

Ngày 12 tháng 6 năm 2015

5800563106 (Điều chỉnh lần thứ ba)

Ngày 06 tháng 12 năm 2016

5800563106 (Điều chỉnh lần thứ tư)

Ngày 16 tháng 06 năm 2021

- ❖ Vốn điều lệ: **27.000.000 VNĐ** (Hai mươi bảy tỷ đồng)
- ❖ Vốn đầu tư của chủ sở hữu/ *Owner's capital*:
- ❖ Thông tin Công ty:

Địa chỉ : số 56 Lê Thị Pha, phường 1, thành phố Bảo Lộc, tỉnh Lâm Đồng.

Điện thoại : (0263) 3864 073

Fax : (0263) 3711 608

Mã số thuế : **5 8 0 0 5 6 3 1 0 6**

Công ty có một (01) chi nhánh tại thành phố Bảo Lộc, tỉnh Lâm Đồng chi tiết như sau:

<u>Tên</u>	<u>Địa chỉ</u>
Xí nghiệp Thi công xây lắp và Quản lý Thuỷ lượng kế	số 56 Lê Thị Pha, phường 1, thành phố Bảo Lộc, tỉnh Lâm Đồng.

- ❖ Website: **capnuochaoloc.com**

- ❖ Mã cổ phiếu: **BWA**

2. Quá trình hình thành và phát triển:

Hệ thống cấp nước Bảo Lộc được hình thành từ những năm của thập niên 70 thế kỷ 20, hệ thống này hình thành phục vụ chủ yếu cho một số quan chức và chính quyền đương thời. Sau năm 1975, Nhà máy nước Bảo Lộc chịu sự quản lý của UBND huyện Bảo Lộc, đến năm 1992 được sát nhập vào Công ty Cấp nước Lâm Đồng cùng với các Nhà máy nước Di Linh và Đức Trọng. Từ đó Nhà máy nước Bảo Lộc là một đơn vị thành viên trực thuộc Công ty Cấp thoát nước Lâm Đồng.

Công ty Cấp thoát nước Lâm Đồng là một doanh nghiệp Nhà nước được thành lập theo quyết định số 686/QĐ/UB ngày 24/10/1992 của UBND tỉnh Lâm Đồng. Đến năm 1998 chuyển thành loại hình doanh nghiệp công ích theo quyết định số 1269/QĐ/UB của UBND Tỉnh Lâm Đồng. Trong quá trình sắp xếp đổi mới, năm 2004 doanh nghiệp lại được điều chỉnh chuyển sang loại hình doanh nghiệp Nhà nước hoạt động kinh doanh. Ngày 18/10/2005 UBND Tỉnh Lâm Đồng ra quyết định số 2873/QĐ-UBND thành lập Công ty TNHH một thành viên Cấp thoát nước Lâm Đồng. Ngày 13/02/2008 Nhà máy nước Bảo Lộc chuyển đổi thành Công ty CP Cấp thoát nước và XD Bảo Lộc (trực thuộc Công ty TNHH một thành viên Cấp thoát nước Lâm Đồng) theo quyết định Cổ phần hóa UBND tỉnh Lâm Đồng. Theo quyết định của UBND tỉnh Lâm Đồng số: 2081/QĐ-UBND, ngày 20 tháng 09 năm 2016 Công ty CP Cấp thoát nước và XD Bảo Lộc được UBND tỉnh Lâm Đồng ủy quyền toàn bộ phần vốn Nhà nước.

Cổ phiếu niêm yết tại sàn giao dịch UPCOM tại SGDCK Hà nội ngày 14/06/2010.

Trong năm 2023, tình hình sản xuất kinh doanh của Công ty có chiều hướng phát triển tốt, một số đối tượng khách hàng sử dụng nước là cơ sở sản xuất kinh doanh nhà hàng, khách sạn hoạt động ổn định

góp phần tăng doanh thu và giá bán của Công ty. Đặc biệt Công ty bia Sài Gòn tăng mua sản lượng bình quân năm 2023 đạt 19.275 m³/tháng.

Công ty đã tích cực phối hợp di dời, cải tạo nâng thay thế cũ các tuyến ống trong phạm vi công trình thi công hạ tầng đô thị thành phố qua đó tỷ lệ thất thoát nước đã giảm nhưng vẫn còn cao (24,91%) do hệ thống đường ống trên địa bàn cũ, mục nát, mục tiêu giảm tỷ lệ thất thoát gặp khó khăn vì đã đến thời điểm cần phải thay thế, cải tạo lại hệ thống đường ống cấp nước trên địa bàn Tp.Bảo Lộc. Sau khi thực hiện dự án đầu tư Xây dựng hệ thống mạng lưới đường ống cấp nước thành phố Bảo Lộc (Giai đoạn 1), Công ty sẽ xây dựng kế hoạch giảm tỷ lệ thất thoát nước nhằm đảm bảo hiệu quả công tác sản xuất, cung cấp, sử dụng nước sạch trên địa bàn thành phố. Tình hình sử dụng nước sạch trên địa bàn thành phố ngày càng nhiều do ý thức nhân dân ngày càng được nâng cao chuyển sang dùng nguồn nước máy, nguồn nước giếng khoan của các hộ cá nhân trên địa bàn bị cạn kiệt (nhất là vào mùa khô), các dự án nước sạch nông thôn do Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn làm chủ đầu tư làm nhu cầu cung cấp nước tăng lên do đó công tác đẩy nhanh xây dựng nhà máy nước mặt sông Đại Nga tại thành phố Bảo Lộc là rất cấp bách.

3. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh

❖ Ngành nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành, nghề	Mã
1	Khai thác, sản xuất và cung cấp nước sạch cho các khu đô thị và khu công nghiệp	3600 (chính)
2	Thoát nước và xử lý nước thải	3700
3	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí.	4322
4	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác. <i>Chi tiết: xây dựng hệ thống công trình cấp thoát nước, dân dụng và công nghiệp.</i>	4299
5	Dịch vụ lưu trú ngắn hạn;	5510
6	Sản xuất đồ uống không cồn, nước khoáng <i>Chi tiết: sản xuất nước tinh khiết đóng chai;</i>	1104 11041
7	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động;	5610
8	Kiểm tra và phân tích kỹ thuật <i>Chi tiết: Kiểm tra, kiểm định đồng hồ đo nước lạnh;</i>	7120
9	Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan <i>Chi tiết: Thăm dò địa chất, nguồn nước</i>	7110
	Hoạt động đo đạc bản đồ	71103
	Hoạt động kiến trúc	71102
	Hoạt động tư vấn kỹ thuật có liên quan khác	71101
10	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng ngành nước, phụ tùng máy khác	71109
		4659

❖ Địa bàn kinh doanh: Thành Phố Bảo Lộc

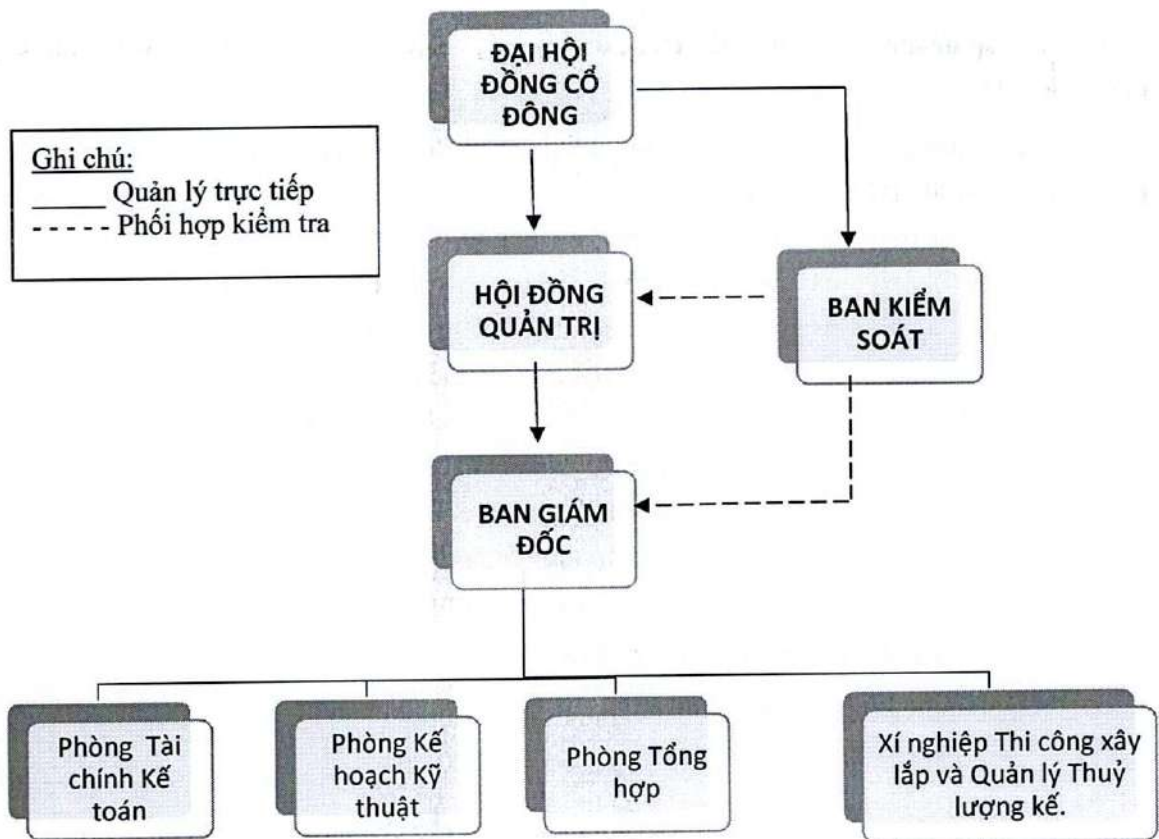
4. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý

❖ Mô hình quản trị: mô hình quản trị doanh nghiệp bao gồm:

- Đại hội đồng cổ đông;
- Hội đồng quản trị (Chủ tịch HĐQT là Người đại diện pháp luật của Công ty);
- Ban kiểm soát;
- Ban điều hành (đứng đầu là Ban Giám Đốc);

❖ Cơ cấu bộ máy quản lý:

Cơ cấu tổ chức của Công ty được xây dựng trên nguyên tắc phân công, quản lý theo các khối chức năng công việc.



5. Định hướng phát triển

✦ Mục tiêu hoạt động của công ty là:

- Góp phần quan trọng nâng cao hiệu quả, sức cạnh tranh của doanh nghiệp, tạo ra loại hình doanh nghiệp có nhiều chủ sở hữu, trong đó có đông đảo người lao động, tạo động lực mạnh mẽ và cơ chế quản lý năng động cho doanh nghiệp để sử dụng có hiệu quả vốn, tài sản của nhà nước và của doanh nghiệp.
- Huy động vốn của cá nhân, các tổ chức kinh tế, tổ chức xã hội trong nước và ngoài nước để đầu tư đổi mới công nghệ, phát triển doanh nghiệp.
- Phát huy vai trò làm chủ thực sự của người lao động, của các cổ đông, tăng cường sự giám sát của nhà đầu tư đối với doanh nghiệp, bảo đảm hài hòa lợi ích của Nhà nước, doanh nghiệp, nhà đầu tư và người lao động.
- Mở rộng và phát triển đồng bộ các lĩnh vực hoạt động mà công ty có ưu thế, tạo nền tảng phát triển một cách ổn định, lâu dài và vững chắc.
- Tối đa hóa hiệu quả hoạt động cấp nước, bảo toàn và phát triển vốn, đảm bảo lợi ích cho các cổ đông, thực hiện đầy đủ nghĩa vụ với nhà nước.

✦ Chiến lược phát triển trung và dài hạn

- Tiếp tục đẩy mạnh hoạt động sản xuất kinh doanh, kết hợp các đối tác để có công trình XD/CB bên ngoài như các công trình mở rộng tái định cư của địa phương, các công trình cải tạo hạ tầng giao thông có nguồn vốn đầu tư của Nhà nước ... để tạo công ăn việc làm cho người lao động.
- Tập trung thực hiện kế hoạch cấp nước an toàn, đảm bảo ổn định chất lượng nước máy cung cấp ra mạng, từng bước nâng cao chất lượng dịch vụ cung cấp nước sạch.
- Dựa trên những ưu thế sẵn có của công ty cùng với khách hàng truyền thống, Công ty sẽ tiếp tục duy trì, ổn định và phát triển sản xuất. Trong đó, tập trung vào các nội dung:
 - + Nâng cao năng lực phát triển mạng lưới cấp nước cho các khu vực hiện chưa có hệ thống cấp nước sạch của thành phố;
 - + Tăng cường tiếp cận với các khách hàng tiềm năng, mở rộng địa bàn phục vụ;
 - + Tăng sản lượng nước sản xuất cung cấp cho khách hàng;
 - + Nâng cao tỷ lệ hộ dân được cấp nước sạch;
 - + Phân đấu giảm tỷ lệ thất thoát nước.

✦ Các mục tiêu đối với môi trường, xã hội và cộng đồng.

- Nghiên cứu mở rộng hệ thống cấp nước bằng cách thực hiện các dự án đầu tư nguồn cấp nước sử dụng nguồn nước mặt mới và cải tạo nâng cấp mạng lưới cấp nước cho Tp Bảo Lộc nhằm đảm bảo an ninh cấp nước, bảo vệ môi trường và phù hợp với chủ trương chung của Nhà Nước về hạn chế sử dụng nước ngầm.
- Đảm bảo nguồn nước cung cấp cho các dự án nước sạch nông thôn do Sở NNPT NT làm chủ đầu tư thực hiện tại các xã Lộc Châu – Đại Lào, Tp. Bảo Lộc và Lộc Nga – Lộc Thanh, huyện Bảo Lâm.
- Có chiến lược tiếp thị đến người dân trên địa bàn, bỏ thói quen tiêu dùng và tiến tới sử dụng nước sạch trong sinh hoạt. Phối hợp với ban ngành chức năng kiểm tra, ngăn chặn các hiện tượng dân tự khoan giếng không phép làm ô nhiễm nguồn nước, tháo tầng chứa nước.

6. Các rủi ro

- Khách hàng sử dụng nước trên địa bàn thuần túy là dùng nước phục vụ sinh hoạt, một ít hộ kinh doanh dịch vụ, chủ yếu sử dụng trong mùa khô (có nguồn nước giếng ngầm tự khoan), mức tiêu thụ thấp, trong định mức, chủ yếu lắp đặt hệ thống cấp nước của Công ty để đối phó và dùng nguồn giếng ngầm tự khoan để sử dụng trong sinh hoạt, sản xuất.
- Trong năm 2023, chất lượng nguồn nước đã được cải thiện đáng kể, đảm bảo các quy định về chất lượng nước sạch dùng trong sinh hoạt. Tuy nhiên, do hệ thống mạng lưới cung cấp đường ống quá cũ từ trước năm 1991, nay đã xuống cấp trầm trọng, đường ống chủ yếu được chế tạo từ chất liệu sắt tráng kẽm, hiện trạng đã mục nát gây bể vỡ cục bộ, dẫn đến việc nước bẩn bị đưa vào hệ thống truyền tải, nên Công ty phải thường xuyên thực hiện việc xả rửa mạng, cũng như công tác rửa lọc nhiều, làm tỷ lệ thất thoát vẫn ở mức cao (24,91%).
- Một số các trạm bơm khai thác mực nước ngầm hạ thấp, mất nước phải ngưng hoạt động, tình trạng biến đổi khí hậu diễn biến xấu, vào mùa khô các giếng khoan trong dân đã cạn kiệt gây nên áp lực lớn về nhu cầu sử dụng nước dùng cho sinh hoạt và phòng cháy chữa cháy, việc chỉ sử dụng một nguồn nước ngầm cũng chưa đảm bảo an toàn cấp nước nếu có sự biến đổi khí hậu, suy giảm nguồn nước ngầm. Trong năm 2023, Công ty đã tích cực triển khai thực hiện dự án Xây dựng nhà máy nước mặt sông Đại Nga tại thành phố Bảo Lộc giai đoạn 1 công suất 5000m³/ngđ, nhằm bổ sung nguồn nước đảm bảo an ninh cấp nước của Tp. Bảo Lộc, đồng thời đảm bảo chủ trương hạn chế khai thác nước ngầm của Nhà Nước.
- Hệ thống cung cấp từ nhà máy khai thác nước ngầm nên không có khả năng nâng công suất khai thác đồng thời theo đánh giá trữ lượng nước ngầm hiện nay chiều hướng chung sụt giảm nhiều trong những năm gần đây và không bền vững, khó kiểm soát. Tình trạng khoan khai thác không có sự quản lý của các tổ chức, cá nhân trên địa bàn đã làm gây ô nhiễm nguồn nước, tháo tầng chứa nước dẫn tới suy giảm hụt mực nước ngầm. Do đó triển khai dự án Đầu tư xây dựng hệ thống mạng lưới đường ống cấp nước thành phố Bảo Lộc (Giai đoạn 1) trong năm 2023 là tiền đề nhằm cải tạo mạng cấp nước để tiếp nhận nguồn nước mặt, thay thế các tuyến ống cũ mục đảm bảo áp lực nước khi thay thế nguồn cấp từ nước mặt, giảm tỷ lệ thất thoát.

II. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM 2023

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

a) Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm 2023:

Đơn vị: VNĐ

STT	CHỈ TIÊU	ĐVT	KẾ HOẠCH NĂM 2023	THỰC HIỆN NĂM 2023	TỶ LỆ%
A	<u>Sản phẩm chủ yếu</u>				
1	Nước sản xuất trong đó	m ³	4.890.000	4.707.824	96,3
	- Cty	m ³	3.612.500	3.389.621	93,8
	- Mua nước đầu nguồn	m ³	1.277.500	1.318.203	103,2
2	Nước ghi thu	m ³	3.520.800	3.534.936	100,4
3	Tỷ lệ thất thoát	%	28,00	24,91	-3,1%
4	Tỷ lệ tồn thu	%	<1%	<1%	100
5	KH phát triển mới	Hộ	1.000	1.470	147
6	Kiểm định ban đầu	Cái	1.550	1.500	96,8

STT	CHỈ TIÊU	ĐVT	KẾ HOẠCH NĂM 2023	THỰC HIỆN NĂM 2023	TỶ LỆ%
7	Kiểm định TLK định kỳ	Cái	3.800	3.858	101,5
8	Thay ĐH	Cái	550	817	148,5
B	<u>Tài chính - Doanh thu</u>				
1	Giá thành tiêu thụ SXCN	Đ/ m ³	9.050	8.990	-60
2	Giá bán bình quân SXCN	Đ/ m ³	9.178	9.266	88
3	Doanh thu SXCN	Đồng	32.313.902.400	32.755.108.586	101,4
4	Doanh thu ống nhánh cấp 3; tài chính, doanh thu khác	Đồng	2.000.000.000	2.369.123.345	118,4
5	Doanh thu thuê bao TLK	Đồng	15.600.000	15.600.000	100
6	Doanh thu phí môi trường	Đồng	183.000.000	194.696.411	106,4
7	Cộng doanh thu	Đồng	34.512.502.400	35.334.528.342	102,4
8	Tổng lợi nhuận trước thuế	Đồng	561.662.400	1.217.239.052	216,7
	- Lợi nhuận của nước sạch		450.662.400	976.360.603	216,7
	- Lợi nhuận XD/CB, ống cấp 3, khác		100.000.000	174.302.541	174,3
	- Thuê bao TLK		11.000.000	11.653.302	106
	- Khác (thanh lý, lãi ngân hàng)			54.922.606	
C	Tỷ lệ cổ tức	%	1,2	2,29	
	Tỷ lệ chia cổ tức		4,5	4,5	100
D	Quỹ lương kế hoạch người LĐ SX nước	Đồng	6.404.000.000	6.823.000.000	106,5
1	Số lao động SX nước bình quân	Người	69	64	92,8
2	Tiền lương b/q theo kế hoạch của người lao động	Đ/n/th	7.734.300	8.884.115	114,9
3	Thu nhập b/q thực tế của người lao động (không tính lương tháng 13)	Đ/n/th		9.036.540	
4	Quỹ lương kế hoạch của người quản lý	Đồng/N	1.008.000.000	852.000.000	84,5
5	Thù lao HĐQT.BKS	Đồng/N	216.000.000	199.800.000	92,5
E	Đầu tư xây dựng cơ bản, sửa chữa lớn trạm bơm, mạng cấp nước, bơm chìm, máy chân clo các trạm bơm.	Đồng	5.150.000.000	5.209.161.851	101
F	Dự án phát triển nguồn. mạng				
	1. Dự án: Xây dựng nhà máy nước mặt sông Đại Nga tại thành phố Bảo Lộc giai đoạn 1 công suất 5000m ³ /ngđ. TMDT: 37.789.000.000 đồng. Gồm: - Vốn tự có: 8.989.000.000 đồng - Vốn vay: 28.800.000.000 đồng	Đồng	37.789.000.000	Dự án đã được cấp phép xây dựng; chủ đầu tư phê duyệt thiết kế bản vẽ thi công và dự toán xây dựng; hoàn tất đấu thầu lựa chọn nhà thầu thi công. khởi công xây dựng từ ngày 28/12/2023. (giá trị thực hiện: 1.964.216.480)	

STT	CHỈ TIÊU	ĐVT	KẾ HOẠCH NĂM 2023	THỰC HIỆN NĂM 2023	TỶ LỆ%
			Căn cứ pháp lý: - Quyết định số 1052/QĐ-UBND ngày 13/06/2022 của UBND tỉnh Lâm Đồng về việc chấp thuận chủ trương đầu tư đồng thời chấp thuận nhà đầu tư dự án. - Giấy phép xây dựng số 13/GPXD-KCN ngày 20/09/2023 do Ban quản lý các Khu công nghiệp tỉnh cấp.		
	2. Dự án: Đầu tư hệ thống mạng lưới đường ống cấp nước thành phố Bảo Lộc giai đoạn 1 TMĐT: 52.533.000.000 đồng Gồm: - Vốn tự có: 6.333.000.000 đồng - Vốn vay: 46.200.000.000 đồng	Đồng	52.533.000.000	Dự án đã được chấp thuận chủ trương đầu tư, đang thực hiện các công tác thẩm định trình các cấp có thẩm quyền phê duyệt Báo cáo nghiên cứu khả thi. (giá trị thực hiện: 193.422.800)	
			Căn cứ pháp lý: - Công văn số 939/UBND-TL ngày 13/02/2023 của UBND tỉnh Lâm Đồng về việc chấp thuận chủ trương đầu tư dự án. - Văn bản đề xuất số 2299/STC ngày 17/10/2022 của Sở Tài chính được UBND tỉnh Lâm Đồng thông qua bằng công văn số 8150/UBND-TL ngày 25/10/2022 qua đó thống nhất chủ trương sử dụng nguồn vốn vay của Quỹ đầu tư phát triển, nguồn vốn hiện có của đơn vị và các nguồn vốn hợp pháp khác (nếu có) để thực hiện Dự án. - Biên bản làm việc ngày 22/12/2022 của Quỹ Đầu tư phát triển tỉnh với Công ty Cổ phần Cấp thoát nước và Xây dựng Bảo Lộc về việc rà soát, thống nhất khả năng cung cấp tín dụng cho Công ty thực hiện 02 dự án.		

Trong năm 2023, tình hình sản xuất kinh doanh của Công ty có chiều hướng phát triển tốt, nhìn chung các chỉ tiêu về hoạt động sản xuất kinh doanh còn lại đều đạt và vượt so với kế hoạch mà Đại hội đồng cổ đông năm 2023 đã đề ra.

b) Tình hình thực hiện so với kế hoạch (tình hình tài chính và lợi nhuận so với kế hoạch)

Đơn vị: VND

Chỉ tiêu	Kế hoạch 2023	TH Năm 2023	% Tăng giảm(so KH)
Doanh thu thuần	34.512.502.400	35.334.528.342	+2.38%
Lợi nhuận trước thuế	561.662.400	1.217.239.052	+116.72%
Lợi nhuận sau thuế	449.329.920	794.671.357	+76.85%
Cổ tức (%)	4.5	4.5	0%

- Doanh thu tăng do một số nguyên nhân:

+ Căn cứ HĐ37/2022/BSGLĐ – CTNBL ngày 24/4/2022 giữa công ty cổ phần cấp thoát nước và xây dựng Bảo Lộc và Công ty cổ phần Bia Sài Gòn về thỏa thuận mua bán nước cho nhà máy Bia Sài Gòn, doanh thu tăng chủ yếu do sản lượng nước bán cho nhà máy Bia Sài Gòn tăng so với cùng kỳ năm trước. Ngoài ra trong năm 2023, công ty thực hiện cung cấp nước qua đồng hồ tổng cho 2 đơn vị: Cty TNHH XD & TM Hoàng Mạnh và Cty TNHH XD CTN Đức Phúc.

+ Ngoài ra trong năm công ty thực hiện một số công trình thi công lắp đặt hệ thống bên ngoài mang lại nguồn doanh thu.

- Lợi nhuận giảm do một số chi phí bao gồm :

+ Trong năm 2023, Công ty mua nước đầu nguồn với Công ty Cổ phần Đầu tư Thiên Hòa An với sản lượng tăng so với kế hoạch.

+ Ngoài ra một số chi phí: quan trắc tự động, chống thất thoát. . . và một số chi phí tăng theo quy định của nhà nước.

2. Tổ chức và nhân sự:

2.1 Ban điều hành:

a) Danh sách Ban Điều Hành:

Thành phần Ban điều hành	STT	Thành viên	Chức vụ	Ghi chú
HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	1	Nguyễn Trọng Hiếu	Chủ tịch Hội đồng quản trị	
	2	Nguyễn Hữu Kiên	Giám đốc	
	3	Nguyễn Thị Thư Trúc	TV HĐQT – Kế toán trưởng	
	4	Nguyễn Đồng Anh Khoa	Thư Ký HĐQT	
	5	Phạm Đức Tú	TV HĐQT – Phụ trách phòng KHKT	
BAN KIỂM SOÁT	1	Trần Thị Nga	Trưởng Ban kiểm soát	
	2	Nguyễn Diễm Thùy Dung	TV BKS	
	3	Nguyễn Văn Tiến	TV BKS	
BAN GIÁM ĐỐC	1	Nguyễn Hữu Kiên	Giám Đốc	

b) Lý lịch Ban Điều Hành:

❖ Ông Nguyễn Trọng Hiếu – Chủ tịch HĐQT Công ty - Người đại diện theo pháp luật của Công ty:

Họ và tên: Nguyễn Trọng Hiếu
Giới tính: Nam
Ngày tháng năm sinh: 23/12/1969
Nơi sinh: Lập Thạch, Vĩnh Phúc
Quốc tịch: Việt Nam
Dân tộc: Kinh
Nguyên quán: Lập Thạch, Vĩnh Phúc
Địa chỉ thường trú: 233/88 Bùi Thị Xuân, Phường 1, Bảo Lộc, Lâm Đồng
Trình độ Văn hoá: 12/12
Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế

Tóm tắt quá trình công tác:

- 07/1991 – 08/1992: Kế toán Xí nghiệp Quản lý Nhà đất và công trình công cộng Bảo Lộc
- 09/1992 – 12/2003: Kế toán viên Nhà máy cấp nước Bảo Lộc – Công ty TNHH MTV Cấp thoát nước Lâm Đồng
- 01/2004 – 12/2007: Kế toán Trưởng Nhà máy cấp nước Bảo Lộc – Công ty TNHH MTV Cấp thoát nước Lâm Đồng
- 12/2007 – 06/2014: Kế toán trưởng, thành viên HĐQT Công ty Cổ phần Cấp thoát nước và Xây dựng Bảo Lộc
- 06/2014 – 11/2016: Phó Giám đốc, thành viên HĐQT Công ty Cổ phần Cấp thoát nước và Xây dựng Bảo Lộc
- 9/2016: Người đại diện chủ sở hữu quản lý phần vốn nhà nước Công ty Cổ phần Cấp thoát nước và Xây dựng Bảo Lộc
- 11/2016 đến nay: Chủ tịch HĐQT Công ty, người đại diện chủ sở hữu quản lý phần vốn nhà nước Công ty Cổ phần Cấp thoát nước và Xây dựng Bảo Lộc.

Chức vụ công tác hiện nay: Chủ tịch Hội đồng quản trị
Chức vụ đang nắm giữ ở công ty khác: Không
Hành vi vi phạm pháp luật: Không
Lợi ích liên quan đối với tổ chức phát hành:

- Quyền lợi mâu thuẫn với công: Không.
- Các khoản nợ đối với công ty: Không.
- Số cổ phần sở hữu: 8.500 CP, chiếm 0,31% tổng số CP Công ty.
- Số cổ phần đại diện: 1.025.150 CP, chiếm 37,97 % tổng số CP Công ty.
- Tổng số cổ phần của những người có liên quan: 8.000 cổ phần
 - ❖ Bà: Dương Thị Hoa, Vợ của Ông: Nguyễn Trọng Hiếu, nắm giữ: 3.000 cổ phần, tương đương 0,11% tổng số CP Công ty.
 - ❖ Ông: Nguyễn Khắc Khánh, Anh của Ông: Nguyễn Trọng Hiếu, nắm giữ: 5.000 cổ phần, tương đương 0,19% tổng số CP Công ty.

❖ **Ông Nguyễn Hữu Kiên – Giám đốc Công ty – Thành viên HĐQT:**

Họ và tên: Nguyễn Hữu Kiên
 Giới tính: Nam
 Ngày tháng năm sinh: 19/05/1969
 Nơi sinh: Thanh Chương, Nghệ An.
 Quốc tịch: Việt Nam
 Dân tộc: Kinh
 Nguyên quán: Nghệ An
 Địa chỉ thường trú: 223-225 Trần Quốc Toản - TP Bảo Lộc, Lâm Đồng.
 Trình độ Văn hoá : 12/12
 Trình độ chuyên môn: Kỹ sư điện

Tóm tắt quá trình công tác:

- 11/1987 – 02/1991: Công tác tại Trạm xuất khẩu Đạ Tẻ, Lâm Đồng.
- 02/1991 – 05/2005: Công tác tại Công ty Chè Lâm Đồng, Tp. Bảo Lộc
- 05/2005 – 06/2016: Nhân viên Phòng KH KT Nhà máy nước Bảo Lộc.
- 06/2016 – 11/2018: Trưởng phòng KH KT Công ty Cổ phần cấp thoát nước và xây dựng Bảo Lộc.
- 11/2018 – 06/2023: Phó Giám đốc Cổ phần cấp thoát nước và xây dựng Bảo Lộc.
- 06/2023 đến nay: Thành viên HĐQT, Giám đốc Công ty, người đại diện chủ sở hữu quản lý phần vốn nhà nước Công ty Cổ phần Cấp thoát nước và Xây dựng Bảo Lộc.

Chức vụ công tác hiện nay: Giám đốc Công ty

Chức vụ đang nắm giữ ở công ty khác: Không

Hành vi vi phạm pháp luật: Không

Lợi ích liên quan đối với tổ chức phát hành:

- Quyền lợi mâu thuẫn với công ty: Không.
- Các khoản nợ đối với công ty: Không.
- Số cổ phần sở hữu: 11.900 CP chiếm 0,44% tổng số CP Công ty.
- Số cổ phần đại diện: 512.575 CP chiếm 18,98 % tổng số CP Công ty.
- Tổng số cổ phần của những người có liên quan: Không.

❖ **Bà Nguyễn Thị Thu Trúc – Kế toán trưởng - Thành viên HĐQT:**

Họ và tên: Nguyễn Thị Thu Trúc
 Giới tính: Nữ
 Ngày tháng năm sinh: 19/10/1980
 Nơi sinh: Bảo Lộc, Lâm Đồng
 Quốc tịch: Việt Nam
 Dân tộc: Kinh
 Nguyên quán: Thừa Thiên Huế
 Địa chỉ thường trú: 268/3 Hoàng Văn Thụ, P.1, Bảo Lộc, Lâm Đồng
 Trình độ Văn hoá: 12/12
 Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế

Tóm tắt quá trình công tác:

- 11/2002-02/2008: Công nhân ghi thu Nhà máy cấp nước Bảo Lộc – Công ty TNHH MTV Cấp thoát nước Lâm Đồng.
- 03/2008 – 05/2014: Kế toán viên Công ty Cổ phần Cấp thoát nước và Xây dựng Bảo Lộc.
- 06/2014 – 06/2023: Trưởng phòng Tài chính Kế toán – Kế toán trưởng Công ty Cổ phần Cấp thoát nước và Xây dựng Bảo Lộc.
- 06/2023 đến nay: Thành viên HĐQT, Trưởng phòng Tài chính Kế toán – Kế toán trưởng Công ty, người đại diện chủ sở hữu quản lý phần vốn nhà nước Công ty Cổ phần Cấp thoát nước và Xây dựng Bảo Lộc.

Chức vụ công tác hiện nay: Trưởng phòng tài chính kế toán – Kế toán trưởng.

Chức vụ đang nắm giữ ở Công ty khác: Không

Hành vi vi phạm pháp luật: Không

Lợi ích liên quan đối với tổ chức phát hành:

- Quyền lợi mâu thuẫn với công ty: Không.
- Các khoản nợ đối với công ty: Không.
- Số cổ phần sở hữu: 3.400 CP chiếm 0.13% tổng số CP Công ty.
- Số cổ phần đại diện: 512.575 CP chiếm 18,98 % tổng số CP Công ty.
- Tổng số cổ phần của những người có liên quan:

Ông: Hà Duy Hưng, Chồng của Bà: Nguyễn Thị Thu Trúc, nắm giữ: 3.800 cổ phần, tương đương 0,14% tổng số CP Công ty.

❖ Ông Nguyễn Đồng Anh Khoa – Thư ký Công ty - Thành viên HĐQT:

Họ và tên: Nguyễn Đồng Anh Khoa

Giới tính: Nam

Ngày tháng năm sinh: 06/05/1986

Nơi sinh: Bảo Lộc, Lâm Đồng

Quốc tịch: Việt Nam

Dân tộc: Kinh

Nguyên quán: Công Thành, Yên Thành, Nghệ An

Địa chỉ thường trú: Lô 22BB Khu QH Hà Giang, P.1, Bảo Lộc, Lâm Đồng

Trình độ Văn hoá : 12/12

Trình độ chuyên môn: Kỹ sư Tài Nguyên Nước

Tóm tắt quá trình công tác:

- 05/2010 – 09/2017 : Công ty Cổ phần Cấp nước Thủ Đức, Tp.HCM
- 09/2017 – nay: CTCP Cấp thoát nước và Xây dựng Bảo Lộc.

Chức vụ công tác hiện nay: Thư ký Công ty

Chức vụ đang nắm giữ ở Công ty khác: Không

Hành vi vi phạm pháp luật: Không

Lợi ích liên quan đối với tổ chức phát hành:

- Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: Không.
- Các khoản nợ đối với Công ty: Không.
- Số cổ phần sở hữu: Không
- Số cổ phần đại diện: Không
- Tổng số cổ phần của những người có liên quan: Không.

❖ Ông Phạm Đức Tú – Phụ trách phòng KHKT – Thành viên HĐQT:

Họ và tên: Phạm Đức Tú

Giới tính: Nam

Ngày tháng năm sinh: 04/10/1979

Nơi sinh: Bảo Lộc –Lâm Đồng.

Quốc tịch: Việt Nam

Dân tộc: Kinh

Nguyên quán: Bình Định

Địa chỉ thường trú: 826 Trần Phú, xã Lộc Châu, TP. Bảo Lộc, tỉnh Lâm Đồng.

Trình độ Văn hoá : 12/12

Trình độ chuyên môn:

Kỹ sư Xây dựng dân dụng Công nghiệp.

Tóm tắt quá trình công tác:

- 2005 - 2008: Chuyên viên Ban QLDA, Chi nhánh Công ty Cổ phần Xi măng Hạ Long tại TP. HCM.
- 2008 - 2015: Trưởng phòng kỹ thuật, Ban QLDA Tổ hợp Bauxit - Nhôm Lâm Đồng.
- 2015 - 2018: Phó Tổng giám đốc, Công ty Cổ phần Tư vấn cấp nước Đông Nam Á - Mêkông Rạch Giá.
- 2018 đến nay: Phụ trách phòng Kế hoạch - Kỹ thuật, Công ty Cổ phần Cấp thoát nước và Xây dựng Bảo Lộc.

Chức vụ công tác hiện nay:

Phụ trách phòng Kế hoạch - Kỹ thuật

Chức vụ đang nắm giữ ở công ty khác:

Không

Hành vi vi phạm pháp luật:

Không

Lợi ích liên quan đối với tổ chức phát hành:

- Quyền lợi mâu thuẫn với công ty: Không.
- Các khoản nợ đối với công ty: Không.
- Số cổ phần sở hữu: Không.
- Số cổ phần đại diện: Không.
- Tổng số cổ phần của những người có liên quan: Không.

❖ **Bà: Trần Thị Nga – Trưởng Ban Kiểm Soát Công ty:**

Họ và tên:

Trần Thị Nga

Giới tính:

Nữ

Ngày tháng năm sinh:

20/03/1981

Nơi sinh:

Nghệ An

Quốc tịch:

Việt Nam

Dn tộc:

Kinh

Nguyên quán:

Yên Thành – Nghệ An

Địa chỉ thường trú:

53/35 Đinh Tiên Hoàng TP Bảo Lộc, Lâm Đồng.

Trình độ Văn hoá :

12/12

Trình độ chuyên môn:

Cử Nhân Kinh Tế

Tóm tắt quá trình công tác:

- 2008 – 2009 : Làm văn thư Công ty
- 2009 – 2010 : Làm Thủ quỹ Công ty.
- 2011 – 09/2016: Nhân viên phòng Kế toán
- 10/2016 – 10/2017: Nhân viên phòng Kế hoạch đầu tư
- 11/2017 – 05/2019: TP. Hành chính tổng hợp
- 06/2019 – 12/2019: Nhân viên phòng Tổng hợp
- 01/2020 – 02/2021: Nhân viên Xí nghiệp TCXL và quản lý TLK
- 03/2021 – 12/2021: Nhân viên Phòng QLM và TLK
- 01/2022 đến nay: Nhân viên Xí nghiệp TCXL và quản lý TLK

Chức vụ công tác hiện nay :

Nhân viên Xí nghiệp TCXL và quản lý TLK,
Trưởng Ban Kiểm Soát Công ty

Chức vụ đang nắm giữ ở công ty khác:

Không

Hành vi vi phạm pháp luật:

Không

Lợi ích liên quan đối với tổ chức phát hành:

- Quyền lợi mâu thuẫn với công ty: Không.
- Các khoản nợ đối với công ty: Không.
- Số cổ phần sở hữu: 2.500 CP chiếm 0.09% CP Công ty.
- Số cổ phần đại diện: Không
- Tổng số cổ phần của những người có liên quan: Không.

❖ **Bà Nguyễn Diễm Thuỳ Dung – Thành viên Ban kiểm soát**

Họ và tên:

Nguyễn Diễm Thuỳ Dung

Giới tính:

Nữ

Ngày tháng năm sinh: 01/06/1989
 Nơi sinh: Bảo Lộc, Lâm Đồng
 Quốc tịch: Việt Nam
 Dân tộc: Kinh
 Nguyên quán: Nam Định.
 Địa chỉ thường trú: 69 Trần Cao Vân, P. Lộc Tiên, Bảo Lộc, Lâm Đồng
 Trình độ Văn hoá : 12/12
 Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế Quản trị Kinh doanh
Tóm tắt quá trình công tác:

- 2013 – nay : CTCP Cấp thoát nước và Xây dựng Bảo Lộc
- Chức vụ công tác hiện nay : Nhân viên phòng Tổng Hợp, Thành viên Ban kiểm soát
- Chức vụ đang nắm giữ ở công ty khác: Không
 Hành vi vi phạm pháp luật: Không
 Lợi ích liên quan đối với tổ chức phát hành:
- Quyền lợi mâu thuẫn với công ty: Không.
 - Các khoản nợ đối với công ty: Không.
 - Số cổ phần sở hữu: Không.
 - Số cổ phần đại diện: Không
 - Tổng số cổ phần của những người có liên quan: Không.

❖ Ông Nguyễn Văn Tiến – Phụ trách phòng Tổng hợp - Thành Viên Ban Kiểm Soát:

Họ và tên: Nguyễn Văn Tiến
 Giới tính: Nam
 Ngày tháng năm sinh: 13/04/1984
 Nơi sinh: Quảng Bình
 Quốc tịch: Việt Nam
 Dân tộc: Kinh
 Nguyên quán: Quảng Bình
 Địa chỉ thường trú: 73 Lý Thái Tổ, Thôn 2, xã Đamb'ri, Bảo Lộc, Lâm Đồng.
 Trình độ Văn hoá : 12/12
 Trình độ chuyên môn: Cử nhân Tài chính kế toán

Tóm tắt quá trình công tác:

- 6/2006 - 01/2010: Nhân viên kế toán, Công ty TNHH Tâm Châu.
- 02/0210 – 09/2017: Nhân viên kế toán, Công ty TNHH Chánh Phát Tâm Châu.
- 01/2018 – 05/2019: Nhân viên Phòng Thanh tra và Quản lý mạng, Công ty CP Cấp thoát nước và Xây dựng Bảo Lộc.
- 06/2019 đến nay: Phụ trách phòng Tổng hợp, Công ty CP Cấp thoát nước và Xây dựng Bảo Lộc.

Chức vụ công tác hiện nay: Phụ trách phòng Tổng hợp, Thành viên Ban kiểm soát.

Chức vụ đang nắm giữ ở công ty khác: Không

Hành vi vi phạm pháp luật: Không

Lợi ích liên quan đối với tổ chức phát hành:

- Quyền lợi mâu thuẫn với công ty: Không.
- Các khoản nợ đối với công ty: Không.
- Số cổ phần sở hữu: 28.200 CP chiếm 1.04% tổng số CP của Công ty.
- Số cổ phần đại diện: Không
- Tổng số cổ phần của những người có liên quan: Không.

c) Những thay đổi trong Ban điều hành.

Trong năm 2023, số lượng Thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ 2023 - 2028 vẫn được đảm bảo theo Nghị quyết ĐHĐCĐ năm 2023; tuy nhiên số lượng người đại diện phần vốn nhà nước và thành phần Thành viên Hội đồng quản trị có sự thay đổi.

Từ tháng 01/2023 100% phần vốn nhà nước được UBND tỉnh giao cho Ông Nguyễn Trọng Hiếu theo Quyết định 1201/UBND-TH3 ngày 01/03/2022 của UBND tỉnh Lâm Đồng đến 05/2023 và số lượng thành viên Hội đồng quản trị giảm còn 4 thành viên. Đại hội đồng cổ đông năm 2023 đã tiến hành bầu cử thành viên HĐQT, thành viên BKS nhiệm kỳ 2023-2028; đồng thời bổ nhiệm Chủ tịch HĐQT, Giám đốc công ty, người phụ trách quản trị theo quy định.

2.2 Số lượng cán bộ, nhân viên, chính sách với người lao động.

a) Số lượng cán bộ, nhân viên

Năm 2023, Công ty có tổng số 64 CBCNV, trong đó có 43 nam và 21 nữ, có 60 người hợp đồng lao động không xác định thời hạn, 04 người hợp đồng lao động xác định thời hạn. Công ty tiếp tục thực hiện thuê bảo vệ bên ngoài để thực hiện các công tác bảo vệ 24/24 tại trụ sở Công ty và hoàn tất công tác lắp đặt camera giám sát tại các trạm bơm kết nối dữ liệu truyền về Công ty nhằm tinh giảm bộ phận lao động trực giếng và nâng cao công tác giám sát chất lượng nước sản xuất.

b) Chính sách đối với người lao động

Công ty rà soát bổ sung, sửa đổi một số Nội quy, Quy chế, quy định về chính sách đối với Người lao động theo pháp luật quy định nhằm đảm bảo quyền lợi của Người lao động, cũng như bảo đảm và tuân thủ theo quy định của Nhà nước.

Các chế độ tiền lương tiền thưởng được thanh toán đúng thời gian và theo quy định, đồng thời Người lao động cũng tham gia đóng góp các khoản BHXH, BHYT, BHTN theo quy định. Công ty cũng chi nộp cho Nhà nước các khoản bảo hiểm này theo quy định.

Việc trang bị bảo hộ lao động, dụng cụ chuyên ngành để lao động, sản xuất đảm bảo chất lượng và số lượng. Thường xuyên chăm lo đến đời sống tinh thần và môi trường làm việc cho Người lao động. Công tác kiểm tra sức khỏe định kỳ cho cán bộ nhân viên được thực hiện tốt (Công ty có Hợp đồng khám sức khỏe định kỳ cho người lao động với Bệnh Viện II Lâm Đồng), qua đó giúp người lao động an tâm công tác nên năng suất chất lượng lao động được đảm bảo. Năm 2023 Công ty đã tổ chức huấn luyện An toàn vệ sinh lao động và an toàn hóa chất theo quy định.

3. Tình hình đầu tư, thực hiện các dự án.

a) Các dự án trong điểm của tỉnh Lâm Đồng:

Trong năm 2023, Công ty đã tích cực triển khai và bước đầu triển khai thực hiện 02 dự án:

Dự án: Xây dựng nhà máy nước mặt sông Đại Nga tại thành phố Bảo Lộc giai đoạn 1 công suất 5000m³/ngày.

- Quy mô: đầu tư xây dựng nhà máy nước mặt sông Đại Nga, giai đoạn 1 công suất 5000 m³/ngày”.
- Tổng mức đầu tư: 37.789 triệu đồng.
- Nguồn vốn: được huy động từ 02 nguồn
 - Vốn tự có của Công ty: 8.989 triệu đồng
 - Vốn vay Quỹ đầu tư phát triển Lâm Đồng: 28.800 triệu đồng
- Thời gian thực hiện dự án: Quý III năm 2023 đến quý IV năm 2024.

- **Tiến độ thực hiện:** Dự án thực hiện đầu tư theo Quyết định số 1052/QĐ-UBND V/v Chấp thuận chủ trương đầu tư đồng thời chấp thuận nhà đầu tư xây dựng nhà máy nước Đại Nga giai đoạn 1 là 5.000 m³/ngày đêm, dự án đã được cấp phép xây dựng, chủ đầu tư phê duyệt thiết kế bản vẽ thi công và dự toán xây dựng; hoàn tất đấu thầu lựa chọn nhà thầu thi công. Hiện đang triển khai thi công các hạng mục theo hạng mục ký kết với nhà thầu thi công, khởi công xây dựng từ ngày 28/12/2023 và dự kiến hoàn thành trong quý IV năm 2024.

Dự án: Đầu tư Xây dựng hệ thống mạng lưới đường ống cấp nước thành phố Bảo Lộc (Giai đoạn 1)

- Quy mô: Đầu tư các tuyến ống HDPE D350: 6,3 km, tuyến ống HDPE D200: 4,2 km và xây dựng 02 trạm bơm tăng áp 5.000 m³/ngày đêm.
- Tổng mức đầu tư: 52.533 triệu đồng
- Nguồn vốn: dự kiến duy động từ 02 nguồn
 - Nguồn vốn vay từ Quỹ đầu tư phát triển: 46.200 triệu đồng
 - Nguồn vốn tự có của doanh nghiệp: 6.333 triệu đồng
- Mục tiêu của dự án: Cải tạo mạng cấp nước để tiếp nhận nguồn nước mặt, thay thế các tuyến ống cũ mục đảm bảo áp lực nước khi thay thế nguồn cấp từ nước mặt, giảm tỷ lệ thất thoát.

- Thời gian thực hiện dự án: từ năm 2022 đến quý IV năm 2024

- **Tiến độ thực hiện:** dự án thực hiện theo chỉ đạo của UBND tỉnh Lâm Đồng tại các văn bản: số 939/UBND-TL ngày 13/02/2023 về việc thống nhất chủ trương thực hiện dự án đầu tư hệ thống mạng lưới đường ống cấp nước thành phố Bảo Lộc (giai đoạn 1); số 8150/UBND-TL ngày 25/10/2022 về việc thống nhất chủ trương sử dụng nguồn vốn vay của Quỹ đầu tư phát triển, nguồn vốn hiện có của đơn vị và các nguồn vốn hợp pháp khác (nếu có) để thực hiện Dự án và số 222/UBND-TL ngày 08/01/2024 của UBND tỉnh Lâm Đồng về việc xem xét nội dung đề nghị của Công ty Cổ phần Cấp thoát nước và Xây dựng Bảo Lộc trên cơ sở đề nghị của Sở Xây dựng tại Văn bản số 06/SXD-HTKT ngày 02/01/2024.

Căn cứ Nghị quyết số 03/NQ-HĐQT ngày 11/01/2024 của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Cấp thoát nước và Xây dựng Bảo Lộc; Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty đã ký Quyết định số 59/QĐ-CTNBL ngày 16/01/2024 về việc phê duyệt Báo cáo nghiên cứu khả thi Dự án và phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu sau khi phê duyệt báo cáo khả thi, dự kiến hoàn tất công tác đấu thầu trong Quý I/2024 và khởi công vào Quý 2/2024, hoàn thành trong năm 2024.

b) Các dự án do Công ty chủ động thực hiện:

Trong năm 2023, Công ty đã tích cực phối hợp di dời, cải tạo nâng thay thế cũ các tuyến ống trong phạm vi công trình thi công hạ tầng đô thị thành phố qua đó tỷ lệ thất thoát nước đã giảm nhưng vẫn còn cao (24,91%) do hệ thống đường ống trên địa bàn cũ, mục nát, mục tiêu giảm tỷ lệ thất thoát gặp khó khăn vì đã đến thời điểm cần phải thay thế, cải tạo lại hệ thống đường ống cấp nước trên địa bàn Tp. Bảo Lộc, tình hình sử dụng nước sạch trên địa bàn thành phố ngày càng nhiều do ý thức nhân dân ngày càng được nâng cao chuyển sang dùng nguồn nước máy, nguồn nước giếng khoan của các hộ cá nhân trên địa bàn bị cạn kiệt (nhất là vào mùa khô), các dự án nước sạch nông thôn do Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn làm chủ đầu tư làm nhu cầu cung cấp nước tăng lên.

c) Các chi nhánh trực thuộc Công ty:

Xí nghiệp Thi công xây lắp và Quản lý Thủy lượng kế thành lập từ 07/2019.

Trong năm 2023, Công ty tiếp tục kiện toàn mô hình hoạt động của Xí nghiệp Thi công xây lắp và Quản lý Thủy lượng để đảm bảo hoàn thành các công tác được giao.

4. Tình hình tài chính:

a) Tình hình tài chính năm 2023:

Đơn vị: VNĐ

Chỉ tiêu	Năm 2022 (kỳ trước)	Năm 2023 (kỳ báo cáo)	% Tăng giảm
Tổng giá trị tài sản	39.991.246.649	40.237.430.534	0,62 %
Doanh thu thuần	32.055.721.362	35.334.528.342	10,23 %
Lợi nhuận từ HĐKD	1.903.970.333	1.833.404.805	-3,71 %
Lợi nhuận khác	-16.256.349	-616.165.753	3.690,31%
Lợi nhuận trước thuế	1.887.713.984	1.217.239.052	-35,52%
Lợi nhuận sau thuế	1.431.363.046	794.671.357	-44,48%
Lãi cơ bản trên Cổ phiếu	479	294	-38,62%

b) Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu:

Chỉ tiêu	Năm 2022 (Kỳ trước)	Năm 2023 (Kỳ báo cáo)
1. Bố trí cơ cấu tài sản và cơ cấu nguồn vốn		
1.1 Bố trí cơ cấu tài sản (%)		
- Tài sản dài hạn/ Tổng tài sản	58,45	58,54
- Tài sản ngắn hạn/ Tổng tài sản	41,55	41,45
1.2 Bố trí cơ cấu nguồn vốn (%)		
- Nợ phải trả/ Tổng nguồn vốn	11,44	13,48
- Nguồn vốn chủ sở hữu/ Tổng nguồn vốn	88,56	86,51
2. Khả năng thanh toán		
2.1 Khả năng thanh toán hiện hành (lần)	3,71	3,15

Chỉ tiêu	Năm 2022 (Kỳ trước)	Năm 2023 (Kỳ báo cáo)
2.2 Khả năng thanh toán nhanh (lần)	2,26	2,01
3. Tỷ suất sinh lời		
3.1 Tỷ suất lợi nhuận trên doanh thu thuần (%)		
- Tỷ suất lợi nhuận trước thuế trên doanh thu thuần	5,89	3,44
- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên doanh thu thuần	4,47	2,24
3.2 Tỷ suất lợi nhuận trên tổng tài sản (%)		
- Tỷ suất lợi nhuận trước thuế trên tổng tài sản	4,72	3,02
- Tỷ suất lợi nhuận sauthuế trên tổng tài sản	3,58	1,97
3.3 tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên nguồn vốn chủ sở hữu	4,04	2,28

(Nguồn: Báo cáo kiểm toán các năm 2022-2023)

5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

- Những thay đổi về vốn cổ đông/vốn góp: *không*
- Tổng số cổ phiếu theo từng loại (cổ phiếu thường, cổ phiếu ưu đãi...)

Cổ phiếu	Tại ngày 31/12/2023	Tại ngày 01/01/2024
+ Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	2,700,000	2,700,000
- Cổ phiếu phổ thông	2,700,000	2,700,000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
+ Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
- Cổ phiếu phổ thông	-	-
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
+ Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	2,700,000	2,700,000
- Cổ phiếu phổ thông	2,700,000	2,700,000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

* Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng/cổ phiếu.

- Tổng số trái phiếu đang lưu hành theo từng loại (trái phiếu có thể chuyển đổi, trái phiếu không thể chuyển đổi...): *không*
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành theo từng loại

TT	Cơ cấu cổ đông	Cổ phiếu sở hữu	Số tiền	Tỷ lệ trên vốn Điều lệ (%)
1	Cổ đông bán ra ngoài	649.700	6.497.000.000	24.06%
2	Cổ đông Nhà nước	2.050.300	20.503.000.000	75.94%
	Tổng cộng	2.700.000	27.000.000.000	100%

- Tỷ lệ sở hữu cổ phần/vốn góp và những thay đổi trong tỷ lệ nắm giữ cổ phần/vốn góp của thành viên HĐQT/Hội đồng thành viên (so với thời điểm lập BCTC năm trước)

TT	Họ và tên	Chức vụ	Số CP	Tỷ lệ	Thay đổi	Ghi chú
01	Nguyễn Trọng Hiếu	Chủ tịch HĐQT	8.500	0,31%	Có	Cổ phần Sở hữu
			1.025.150	37,97%		Nhà nước Ủy quyền
02	Nguyễn Hữu Kiên	Thành viên HĐQT	11.900	0,44%	Có	Cổ phần Sở hữu
			512.575	18,98%		Nhà nước Ủy quyền

TT	Họ và tên	Chức vụ	Số CP	Tỷ lệ	Thay đổi	Ghi chú
03	Nguyễn Thị Thu Trúc	Thành viên HĐQT	3.400	0,13%	Có	Cổ phần Sở hữu
			512.575	18,98%		Nhà nước Ủy quyền
04	Nguyễn Đồng Anh Khoa	Thành viên HĐQT	Không	Không	Không	Cổ phần Sở hữu
05	Phạm Đức Tú	Thành viên HĐQT	Không	Không	Có	Cổ phần Sở hữu

UBND tỉnh Lâm Đồng uỷ quyền cho ông Nguyễn Trọng Hiếu; ông Nguyễn Hữu Kiên và bà Nguyễn Thị Thu Trúc đại diện vốn chủ sở hữu nhà nước tại Quyết định số 1249/QĐ-UBND ngày 27/06/2023.

Thông tin về các giao dịch cổ phiếu/chuyển nhượng phần vốn góp của Công ty của các thành viên Hội đồng quản trị/Hội đồng thành viên, Ban Giám đốc điều hành, Ban kiểm soát/Kiểm soát viên và những người liên quan tới các đối tượng nói trên trong năm 2023: *Không có*

– Các dữ liệu thống kê về cổ đông/thành viên góp vốn:

+ Cổ đông/thành viên góp vốn Nhà nước (Được UBND Tỉnh Ủy quyền)

• Thông tin chi tiết về cơ cấu cổ đông/thành viên góp vốn Nhà nước

Công ty Cổ Phần Cấp Thoát Nước và Xây Dựng Bảo Lộc là cơ quan đại diện cổ đông phần vốn Nhà nước (theo Quyết định của Ủy Ban nhân dân tỉnh Lâm Đồng số 1249/QĐ-UBND ngày 27/06/2023)

• Thông tin chi tiết về từng cổ đông lớn/thành viên góp vốn theo nội dung:

Tên: Ủy ban nhân dân tỉnh Lâm Đồng.

• Công ty được UBND Tỉnh Lâm Đồng Ủy quyền

Công ty Cổ phần Cấp thoát nước và xây dựng Bảo Lộc theo quyết định số số 1249/QĐ-UBND ngày 27/06/2023.

Địa chỉ liên lạc: Số 56 Lê Thị Pha – P1 - TP Bảo Lộc – Tỉnh Lâm Đồng

Số CP : 2.050.300 CP chiếm tỷ lệ 75.94 %/Tổng số CP.

+ Cổ đông/thành viên góp vốn sáng lập : không

+ Cổ đông/thành viên góp vốn nước ngoài : có (01 cổ đông)

III. BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN ĐIỀU HÀNH

Căn cứ vào Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023, được tổ chức ngày 28/06/2023, đã thống nhất các chỉ tiêu chính về kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2023. Hoạt động chính của Công ty là cung cấp ổn định nhu cầu cung cấp nước sạch trong sinh hoạt và sản xuất tại địa phương; đảm bảo chất lượng nước, phát triển khách hàng và lắp đặt mở rộng các tuyến ống cấp nước trên địa bàn thành phố Bảo Lộc.

Thực hiện kế hoạch năm 2023 theo Nghị quyết HĐQT, trong quá trình thực hiện nhiệm vụ chính trị năm 2023, Công ty có những khó khăn và thuận lợi như sau:

Thuận lợi:

- Được sự chỉ đạo trực tiếp, sát sao của HĐQT và sự kiểm tra giám sát của BKS cũng như sự nỗ lực, đoàn kết thống nhất giữa Ban Giám đốc và các phòng ban trong Công ty nên tập thể đã hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao, đời sống và việc làm của Người lao động ổn định và từng bước được cải thiện.

- Trong năm 2023, tình hình sản xuất kinh doanh của Công ty có chiều hướng phát triển tốt, một số đối tượng khách hàng sử dụng nước là cơ sở sản xuất kinh doanh nhà hàng, khách sạn hoạt động ổn định góp phần tăng doanh thu và giá bán của Công ty. Đặc biệt Công ty bia Sài Gòn tăng mua sản lượng bình quân năm 2023 đạt 19.275 m³/tháng.

Khó khăn:

- Tỷ lệ thất thoát nước vẫn còn cao do hệ thống mạng lưới đường ống nước hiện hữu được quy hoạch cho giếng nước ngầm, cũng như một số địa bàn quản lý của Công ty là một trong những khu vực dân cư lâu đời có hệ thống ống sắt tráng kẽm đã cũ mục nát đến thời kỳ phải cải tạo thay thế.

- Nguồn nước hiện có của Công ty và nước mua Thiên Hòa An đã hoạt động hết công suất nên dẫn đến có một số khu vực vùng cao, vùng xa thiếu nước cục bộ nhất là các ngày lễ tết, ngày cúp điện, sự cố.

- Trong quá trình triển khai thi công một số công trình nâng cấp mở rộng các tuyến đường nội thị, xây dựng các công trình hạ tầng ngầm của Thành phố, đơn vị tư vấn, đơn vị thi công còn thiếu sự phối hợp với Công ty, thiếu sự điều tra thăm định chuyên sâu nên khi thi công xảy ra bể vỡ đường ống gây thất thoát nước, làm gián đoạn thời gian cấp nước cho khách hàng. Bên cạnh đó chính quyền địa phương các cấp hiện chưa có sự hỗ trợ từ phía các cơ quan hữu quan về mặt chế tài khi xảy ra các sự cố gây hư hỏng mạng cấp nước, gây khó khăn lớn cho Công ty trong việc khắc phục và phối hợp xử lý.

- Việc quản lý khoan khai thác nước ngầm trên địa bàn Bảo Lộc xảy ra tràn lan chưa được quản lý đúng quy định của cơ quan Nhà nước, gây ảnh hưởng đến chất lượng, và trữ lượng nguồn nước ngầm.

Những thay đổi chủ yếu trong năm:

Với những thuận lợi khó khăn nêu trên Ban Giám đốc Công ty kịp thời báo cáo, xin ý kiến HĐQT và động viên CBCNV cố gắng vượt qua những khó khăn thử thách phấn đấu hoàn thành nhiệm vụ trọng tâm mà Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông năm 2023 đã thông qua, đảm bảo nhiệm vụ chính trị về cấp nước an toàn, chất lượng ổn định, thực hiện tốt các công tác chống thất thu, thất thoát nước, hoàn thành nghĩa vụ nộp thuế đối với Nhà nước, đặc biệt là bảo toàn và phát triển tốt phần vốn nhà nước và cổ đông đảm bảo thu nhập, đời sống cán bộ công nhân viên và Người lao động.

1. Công tác xây dựng và thực hiện kế hoạch SXKD 2023

- Ngay từ đầu năm, Ban Giám đốc đã phối hợp cùng các Phòng ban chuyên môn xây dựng kế hoạch SXKD năm 2023 trình Đại hội đồng Cổ đông và được thông nhất bằng Nghị quyết số 162/NQ-ĐHĐCĐ ngày 28/06/2023 để làm cơ sở thực hiện nhiệm vụ.

- Công ty bám sát vào tình hình thực tiễn để triển khai kế hoạch, trong quá trình thực hiện các vướng mắc, tồn tại được báo cáo với HĐQT và được kịp thời tháo gỡ qua các kỳ họp.

- Nhìn chung các chỉ tiêu theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông đưa ra đều đạt kế hoạch. Chỉ tiêu về tỷ lệ thất thoát nước sạch năm 2023 có giảm so với kế hoạch, tuy nhiên vẫn ở mức cao (24,91%): trong năm 2023 Công ty tập trung tiến hành rà soát, tăng cường công tác kiểm tra, dò tìm ống bể vỡ và tiến hành khắc phục ngay, kịp thời các sự cố bể vỡ; đồng thời phối hợp di dời, cải tạo nâng thay thế cũ các tuyến ống trong phạm vi công trình thi công hạ tầng đô thị thành phố, qua đó từng bước việc cải tạo các tuyến ống cũ nát, thay thế hệ thống ống STK bằng hệ ống HDPE nên đã giảm nhiều các trường hợp bể vỡ, thất thoát.

- Chủ động, tích cực triển khai 02 dự án nhà máy nước mặt sông Đại Nga, dự án Kiểm soát tỷ lệ thất thoát nước sạch, nâng cấp và mở rộng hệ thống cấp nước thành phố Bảo Lộc (giai đoạn 1), cải tạo, mở rộng hệ thống mạng lưới cấp nước đảm bảo tiếp nhận nguồn nước mặt. Tăng cường phát triển khách hàng mới, mở rộng thị trường tiêu thụ, nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh.

2. Công tác sắp xếp, phát triển nguồn nhân lực tại Công ty:

- Năm 2023, Công ty có tổng số 64 CBCNV, trong đó có 43 nam và 21 nữ, có 60 người hợp đồng lao động không xác định thời hạn, 04 người hợp đồng lao động xác định thời hạn.

- Công ty tiếp tục thực hiện kế hoạch kiện toàn các Phòng ban; Xí nghiệp trực thuộc theo hướng tinh gọn, hiệu quả chú trọng việc tạo động lực, tăng cường ý thức trách nhiệm cho Người lao động.

- Công ty tiếp tục công tác tổ chức, thành lập Hội đồng bảo hộ lao động và Hội đồng An toàn, vệ sinh lao động, đảm bảo các quy định hiện hành trong công tác điều hành quản lý tại doanh nghiệp.

3. Công tác quản lý, điều hành sản xuất.

- Quản lý vận hành các trạm bơm, máy móc thiết bị phục vụ cho sản xuất, cũng như chuyên môn đảm bảo an toàn tuyệt đối. Năm 2023, Công ty đã sử dụng có hiệu quả hệ thống camera giám sát tại các trạm bơm, qua đó tăng cường kiểm tra giám sát công tác sản xuất nước, đặc biệt giám sát chất lượng nước sản xuất, lập kế hoạch rửa lọc định kỳ tại các trạm bơm; bước đầu triển khai thực hiện hệ thống quan trắc tại các trạm bơm theo quy định.

- Căn cứ HĐ37/2022/BSGLĐ – CTNBL ngày 24/4/2022 giữa công ty cổ phần cấp thoát nước và xây dựng Bảo Lộc và Công ty cổ phần Bia Sài Gòn đồng ý thỏa thuận mua bán nước cho nhà máy bia, doanh thu tăng chủ yếu do cung cấp sản lượng cho nhà máy bia; ngoài ra trong năm công ty thực hiện một số công trình thi công lắp đặt hệ thống bên ngoài .

- Trong năm 2023 công ty mua nước đầu nguồn của Công ty cổ phần đầu tư Thiên Hòa An với sản lượng tăng so với kế hoạch.

4. Công tác đầu tư xây dựng cơ bản và sửa chữa lớn:

- Công tác đầu tư phần nguồn: Theo định hướng của UBND tỉnh Lâm Đồng, trong thời gian tới Công ty sẽ từng bước hạn chế việc khai thác nguồn nước ngầm. Đồng thời, Chương trình mở rộng quy mô vệ sinh và nước sạch Nông thôn dựa trên kết quả vay vốn Ngân hàng Thế giới sử dụng nguồn nước từ nhà máy của Công ty CP Cấp thoát nước và Xây dựng Bảo Lộc. Trong năm 2023, Công ty đã triển khai đầu tư nhà máy nước mặt sông Đại Nga, giai đoạn 1 500m³/ngđ, hiện đang thi công và dự kiến hoàn thành cuối năm 2024 qua đó cung cấp nước sạch cho nhu cầu sử dụng nước trên địa bàn thành phố Bảo Lộc trong giai đoạn 2021-2025 là cần thiết, đồng thời bổ sung nguồn cấp nước cho thành phố đến năm 2040 theo qui hoạch cấp nước của thành phố Bảo Lộc và vùng phụ cận.

- Công tác đầu tư hệ thống mạng: trong năm 2023, Công ty tích cực phối hợp với UBND thành phố Bảo Lộc trong công tác di dời, cải tạo nâng thay thế cũ các tuyến ống trong phạm vi công trình thi công hạ tầng đô thị thành phố Bảo Lộc qua đó kéo giảm tỷ lệ thất thoát nước; bên cạnh đó chủ động đầu tư thi công lắp đặt các tuyến ống xương cá D50, D32, D25 vào các ngõ hẻm xa đường ống cái để mở rộng mạng lưới cấp nước và phát triển thêm khách hàng mới theo yêu cầu và thỏa thuận của các hộ dân, tổ dân phố, phường, xã. Mặt khác, Công ty đẩy nhanh triển khai dự án đầu tư cải tạo, nâng cấp hệ thống mạng lưới cấp nước giai đoạn 1, hiện nay dự án đã phê duyệt báo cáo khả thi, dự kiến hoàn tất công tác đấu thầu trong Quý I/2024 và khởi công vào Quý 2/2024, hoàn thành trong năm 2024 nhằm tạo cơ sở tiếp nhận nguồn nước mặt.

5. Công tác quản lý, vật tư, tài sản thiết bị

- Tài sản của ngành cấp nước có đặc thù rải đều khắp trong phạm vi trung tâm thành phố, nhưng với tinh thần trách nhiệm của CNV, cộng với ý thức của cộng đồng và xã hội, nên trong năm qua không xảy ra vụ mất mát nào ảnh hưởng đến tài sản của Công ty.

- Năm 2023, ngoài công tác quản lý tốt các vật tư, thiết bị; tiến hành kiểm kê, đánh giá định kỳ theo đúng qui định của Nhà nước, Công ty cũng đã thực hiện chuyển đổi sang sử dụng ống HDPE với nhiều ưu điểm.

6. Công tác Quản lý chất lượng sản phẩm:

- Quản lý chất lượng nước sạch là công tác đặc biệt quan trọng, được tổ chức thực hiện thường xuyên và liên tục, chú trọng vào những khách hàng sử dụng nước với khối lượng lớn, khách hàng sử dụng nước có biến động tăng giảm bất thường. Tổ thủy lượng kế thường xuyên thực hiện công tác thanh tra và quản lý mạng và đột xuất kiểm tra những đồng hồ nước nghi vấn nhanh chậm kịp thời cân chỉnh theo kế hoạch, theo yêu cầu của khách hàng. Vi phạm vi lệ, rà soát các hợp đồng sử dụng nước một cách thường xuyên, không tăng không nhân khẩu, điều chỉnh định mức bổ sung cho khách hàng kịp thời đúng qui định.

- Kiểm tra chất lượng nước thường xuyên tại đầu nguồn, trên đường ống truyền tải, tại các vị trí cuối nguồn và xả rửa hệ thống cấp II, III theo định kỳ hoặc đột xuất, đảm bảo an toàn vệ sinh cho khách hàng sử dụng nước. Nước sạch trong quá trình sản xuất luôn được giám sát thường xuyên và liên tục, đảm bảo chất lượng, tuân thủ theo Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt QCVN 01-1:2018/BYT ban hành kèm theo Thông tư số 41/2018/TT-BYT ngày 14 tháng 12 năm 2018. Qua kết quả xét nghiệm được các cơ quan chức năng tổ chức thực hiện định kỳ mẫu nước trên hệ thống cấp nước TP Bảo Lộc đạt chất lượng nước sử dụng cho sinh hoạt sau khi xử lý theo quy định và được công bố trên trang web công ty.

- Giao nhiệm vụ quản lý, kiểm tra thường xuyên công tác sản xuất nước cho Tổ sản xuất - Phòng Kế hoạch Kỹ thuật.

7. Công tác quản lý Tài chính

- Công tác quản lý Tài chính kế toán được thực hiện theo đúng Luật kế toán và các chế độ quy định của Nhà nước, phù hợp với các đặc điểm hoạt động sản xuất kinh doanh và các yếu tố chung của Công ty Cổ phần. Chứng từ kế toán đảm bảo tính hợp pháp, hợp lý, hợp lệ.

- Chấp hành chế độ chính sách pháp luật của Nhà nước ban hành về quản lý tài chính của Công ty Cổ phần, Công ty dựa vào các chính sách đó ban hành bổ sung các quy định nội bộ, quản lý kinh tế, định mức kinh tế kỹ thuật, được công khai minh bạch.

- Tiết kiệm chi phí, có lộ trình các khoản chi. Tập trung phân bổ nguồn lực lao động phù hợp. Động viên, tập trung nguồn lực vào làm các công trình XDCB bên ngoài để tăng Doanh thu, bù đắp lợi nhuận cho Sản xuất nước.

- Hoàn thành đầy đủ các nghĩa vụ tài chính với Nhà nước và các cổ đông.

8. Công tác thực hiện chế độ đối với Người lao động.

- Công ty đã rà soát bổ sung, sửa đổi một số Nội quy, Quy chế, quy định về chính sách đối với Người lao động tuân thủ theo qui định của Nhà nước và tổ chức hội nghị người lao động định kỳ hàng năm.

- Các chế độ tiền lương tiền công được thanh toán theo quy định, đồng thời Người lao động cũng tham gia đóng góp các khoản BHXH, BHYT, BHTN theo quy định. Công ty cũng chi nộp 100% cho Nhà nước các khoản bảo hiểm này.

- Việc trang bị bảo hộ lao động, dụng cụ chuyên ngành để lao động, sản xuất đảm bảo chất lượng và số lượng. Thường xuyên chăm lo đến đời sống tinh thần và môi trường làm việc cho Người lao động. Công tác kiểm tra sức khỏe định kỳ cho cán bộ nhân viên được thực hiện tốt (Công ty có Hợp đồng khám sức khỏe định kỳ cho người lao động với Bệnh Viện II Lâm Đồng), qua đó giúp người lao động an tâm công tác nên năng suất chất lượng lao động được đảm bảo.

9. Công tác bảo vệ cơ quan an toàn, an ninh chính trị nội bộ:

- Đây là nhiệm vụ hàng đầu mà Công ty quan tâm, nhất là phối hợp cơ quan Công An Thành phố Bảo Lộc trong công tác bảo vệ và lắp đặt hệ thống PCCC đảm bảo an toàn theo quy định, khắc phục kịp thời các trường hợp mất cấp, hư hỏng nắp trụ chữa cháy và các thiết bị trên toàn hệ thống cấp nước.

- Công tác phòng chống cháy nổ được quan tâm thường xuyên, theo định kỳ kiểm tra công tác an toàn PCCN, bổ sung thêm các thiết bị chữa cháy tại trạm bơm và văn phòng Công ty.

- Năm 2023 Công ty tổ chức một số Cán bộ kỹ thuật, người lao động tổ chức huấn luyện An toàn lao động nhóm 1,2,3 theo quy định, đồng thời tham gia và thực hiện tốt các lớp huấn luyện quân sự tại địa phương, công tác huấn luyện đạt kết quả cao, và được đánh giá là khá và giỏi.

- Thường xuyên thực hiện việc đóng góp hỗ trợ cho các quỹ tại địa phương về chính sách hậu phương quân đội, quỹ an ninh quốc phòng đầy đủ, kịp thời.

- Thuê bảo vệ trụ sở Công ty 24/7.

Các mặt còn tồn tại và nguyên nhân chủ yếu:

- Khách hàng sử dụng nước trên địa bàn thành phố Bảo Lộc chủ yếu là dùng nước phục vụ sinh hoạt, một ít hộ kinh doanh dịch vụ, chủ yếu sử dụng trong mùa khô (có nguồn nước giếng ngầm tự khoan), mức tiêu thụ thấp, trong định mức, chủ yếu lắp đặt Hệ thống cấp nước của Công ty để đối phó và dùng nguồn giếng ngầm tự khoan để sử dụng trong sinh hoạt, sản xuất.

- Thời gian qua, chất lượng nguồn nước đã được cải thiện đáng kể, đảm bảo các quy định về chất lượng nước sạch dùng trong sinh hoạt. Tuy nhiên, do hệ thống mạng lưới cung cấp đường ống quá cũ từ trước năm 1991, nay đã xuống cấp trầm trọng, đường ống chủ yếu được chế tạo từ chất liệu sắt tráng kẽm, hiện trạng đã mục nát gây bề vỡ cục bộ, dẫn đến việc nước bẩn bị đưa vào hệ thống truyền tải, nên Công ty phải thường xuyên thực hiện việc xả rửa mạng, cũng như công tác rửa lọc nhiều, tỷ lệ thất thoát vẫn ở mức cao.

- Công tác quản lý điều hành chủ yếu thực hiện bằng thủ công, bằng kinh nghiệm chưa khoa học nên còn gặp nhiều khó khăn, chưa mạnh dạn đổi mới, còn lung túng trong công tác quản lý, sử dụng nhân sự. Việc triển khai Nghị quyết HĐQT còn chậm, phối hợp phân công nhiệm vụ trong Ban Giám đốc chưa chặt chẽ, công tác kiểm tra, giám sát chưa thường xuyên nên hiệu quả trong công tác quản lý, điều hành chưa cao.

- Quản lý, vận hành mạng lưới đường ống chưa khoa học, việc duy trì bảo dưỡng các thiết bị trên mạng chưa được quan tâm đúng mức.

IV. ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

1. Đánh giá chung về tình hình hoạt động của công ty

Việc triển khai, thực hiện Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông luôn bám sát vào tình hình thực tiễn và được các thành viên HĐQT ra Nghị quyết kịp thời giải quyết những tồn tại, khó khăn do Ban Giám đốc đề xuất nhằm đảm bảo việc cung cấp nước sinh hoạt cho người dân trên địa bàn thành phố Bảo Lộc, hoàn thành các chỉ tiêu về doanh thu, lợi nhuận của kế hoạch sản xuất - kinh doanh - tài chính theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông năm 2023.

Công ty cũng đã quyết tâm cao trong việc thực hiện các biện pháp nhằm đảm bảo việc cung cấp nước sinh hoạt cho người dân trên địa bàn thành phố Bảo Lộc đảm bảo sản lượng và chất lượng: bao gồm tăng sản lượng mua nước đầu nguồn, cải tạo nâng cấp công suất các trạm bơm, các giếng ngầm cũ; và đẩy nhanh tiến độ đầu tư xây dựng nhà máy nước mặt sông Đại Nga tại thành phố Bảo Lộc.

Trong năm 2023, tình hình sản xuất kinh doanh của Công ty có chiều hướng phát triển tốt, một số đối tượng khách hàng sử dụng nước là cơ sở sản xuất kinh doanh nhà hàng, khách sạn hoạt động ổn định góp phần tăng doanh thu và giá bán của Công ty. Đặc biệt Công ty bia Sài Gòn tăng mua sản lượng bình quân năm 2023 đạt 19.275 m³/tháng.

Công ty đã tích cực phối hợp di dời, cải tạo nâng thay thế cũ các tuyến ống trong phạm vi công trình thi công hạ tầng đô thị thành phố qua đó tỷ lệ thất thoát nước đã giảm nhưng vẫn còn cao (24,91%) do hệ thống đường ống trên địa bàn cũ, mục nát, mục tiêu giảm tỷ lệ thất thoát gặp khó khăn vì đã đến thời điểm cần phải thay thế, cải tạo lại hệ thống đường ống cấp nước trên địa bàn thành phố Bảo Lộc. Sau khi thực hiện dự án đầu tư Xây dựng hệ thống mạng lưới đường ống cấp nước thành phố Bảo Lộc (Giai đoạn 1), Công ty sẽ xây dựng kế hoạch giảm tỷ lệ thất thoát nước nhằm đảm bảo hiệu quả công tác sản xuất, cung cấp, sử dụng nước sạch trên địa bàn thành phố. Tình hình sử dụng nước sạch trên địa bàn thành phố ngày càng nhiều do ý thức nhân dân ngày càng được nâng cao chuyển sang dùng nguồn nước máy, nguồn nước giếng khoan của các hộ cá nhân trên địa bàn bị cạn kiệt (nhất là vào mùa khô), các dự án nước sạch nông thôn do Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn làm chủ đầu tư làm nhu cầu cung cấp nước tăng lên do đó công tác đẩy nhanh xây dựng nhà máy nước mặt sông Đại Nga tại thành phố Bảo Lộc là rất cấp bách.

❖ *Tình hình triển khai các dự án trọng điểm:*

Trong năm 2023, Công ty đã triển khai và bước đầu triển khai thực hiện 02 dự án:

Dự án: Xây dựng nhà máy nước mặt sông Đại Nga tại thành phố Bảo Lộc giai đoạn 1 công suất 5000m³/ngđ.

- Quy mô: đầu tư xây dựng nhà máy nước mặt sông Đại Nga, giai đoạn 1 công suất 5000 m³/ngđ”.

- Tổng mức đầu tư: 37.789 triệu đồng.

- Nguồn vốn: được huy động từ 02 nguồn

Vốn tự có của Công ty: 8.989 triệu đồng

Vốn vay Quỹ đầu tư phát triển Lâm Đồng: 28.800 triệu đồng

- Thời gian thực hiện dự án: Quý III năm 2023 đến quý IV năm 2024.

- **Tiến độ thực hiện:** Dự án thực hiện đầu tư theo Quyết định số 1052/QĐ-UBND V/v Chấp thuận chủ trương đầu tư đồng thời chấp thuận nhà đầu tư xây dựng nhà máy nước Đại Nga giai đoạn 1 là 5.000 m³/ngày đêm, dự án đã được cấp phép xây dựng, chủ đầu tư phê duyệt thiết kế bản vẽ thi công và dự toán xây dựng; hoàn tất đấu thầu lựa chọn nhà thầu thi công. Hiện đang triển khai thi công các hạng mục theo hạng mục ký kết với nhà thầu thi công, khởi công xây dựng từ ngày 28/12/2023 và dự kiến hoàn thành trong quý IV năm 2024.

Dự án: Đầu tư Xây dựng hệ thống mạng lưới đường ống cấp nước thành phố Bảo Lộc (Giai đoạn 1)

- Quy mô: Đầu tư các tuyến ống HDPE D350: 6,3 km, tuyến ống HDPE D200: 4,2 km và xây dựng 02 trạm bơm tăng áp 5.000 m³/ngày đêm.

- Tổng mức đầu tư: 52.533 triệu đồng

- Nguồn vốn: dự kiến duy động từ 02 nguồn

Nguồn vốn vay từ Quỹ đầu tư phát triển: 46.200 triệu đồng

Nguồn vốn tự có của doanh nghiệp: 6.333 triệu đồng

- Mục tiêu của dự án: Cải tạo mạng cấp nước để tiếp nhận nguồn nước mặt, thay thế các tuyến ống cũ mục đảm bảo áp lực nước khi thay thế nguồn cấp từ nước mặt, giảm tỷ lệ thất thoát.

- Thời gian thực hiện dự án: từ năm 2022 đến quý IV năm 2024

- **Tiến độ thực hiện:** dự án thực hiện theo chỉ đạo của UBND tỉnh Lâm Đồng tại các văn bản: số 939/UBND-TL ngày 13/02/2023 về việc thống nhất chủ trương thực hiện dự án đầu tư hệ thống mạng lưới đường ống cấp nước thành phố Bảo Lộc (giai đoạn 1); số 8150/UBND-TL ngày 25/10/2022 về việc thống nhất chủ trương sử dụng nguồn vốn vay của Quỹ đầu tư phát triển, nguồn vốn hiện có của đơn vị và các nguồn vốn hợp pháp khác (nếu có) để thực hiện Dự án và số 222/UBND-TL ngày 08/01/2024 của UBND tỉnh Lâm Đồng về việc xem xét nội dung đề nghị của Công ty Cổ phần Cấp thoát nước và Xây dựng Bảo Lộc trên cơ sở đề nghị của Sở Xây dựng tại Văn bản số 06/SXD-HTKT ngày 02/01/2024.

Căn cứ Nghị quyết số 03/NQ-HĐQT ngày 11/01/2024 của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Cấp thoát nước và Xây dựng Bảo Lộc; Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty đã ký Quyết định số 59/QĐ-CTNBL ngày 16/01/2024 về việc phê duyệt Báo cáo nghiên cứu khả thi Dự án và phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu sau khi phê duyệt báo cáo khả thi, dự kiến hoàn tất công tác đấu thầu trong Quý I/2024 và khởi công vào Quý 2/2024, hoàn thành trong năm 2024.

❖ **Kế hoạch triển khai các dự án dự kiến thực hiện trong năm 2024:**

Nhằm góp phần hoàn thiện hệ thống cơ sở hạ tầng kỹ thuật thành phố Bảo Lộc theo định hướng quy hoạch hệ thống hạ tầng kỹ thuật đã được phê duyệt tại Quyết định số 1194/QĐ-UBND ngày 16/06/2023 của UBND tỉnh Lâm Đồng về phê duyệt quy hoạch chung thành phố Bảo Lộc và vùng phụ cận, tỉnh Lâm Đồng đến năm 2040. Trong đó chú trọng nâng cấp cải tạo và mở rộng hệ thống cấp nước sạch của thành phố Bảo Lộc đảm bảo an toàn cấp nước, giảm tỷ lệ thất thoát, thất thu nước sạch và nâng cao chất lượng dịch vụ cung cấp nước sạch phục vụ sinh hoạt và sản xuất của nhân dân. Trong năm 2024, Công ty dự kiến triển khai đầu tư 03 dự án cấp nước, cụ thể như sau:

- Dự án: Tuyến ống cấp nước HDPE D160 đường Lý Thái Tổ xã Đambri, cấp cho Khu dân cư nông thôn kiểu mẫu Đambri và xã Đambri.

• *Tổng mức đầu tư:* 13.364.000.000 đồng.

• *Nguồn vốn đầu tư:* Vốn tự có của Công ty và vốn hỗ trợ của Công ty TNHH Đầu tư Xây dựng Kỹ Nguyên 60% tương ứng 8.000.000.000 đồng.

- Dự án: Tuyến ống cấp nước HDPE D160 đường Quốc lộ 55 xã Lộc Thành, cấp nước cho xã Lộc Thành và trại giam Đại Bình.

• *Tổng mức đầu tư:* 6.453.503.000 đồng.

• *Nguồn vốn đầu tư:* Vốn tự có của Công ty và vốn huy động hợp pháp khác.

- Dự án: Đầu tư xây dựng bể chứa nước điều hòa dự phòng cấp nước an toàn, kho bãi vật tư, nhà điều hành.

• *Tổng mức đầu tư:* 5.000.000.000 đồng.

• *Nguồn vốn đầu tư:* Vốn tự có của Công ty và vốn huy động hợp pháp khác.

2. Đánh giá hoạt động của Ban điều hành:

Từ tháng 01/2023, 100% phần vốn nhà nước được UBND tỉnh giao cho Ông Nguyễn Trọng Hiếu theo Quyết định 1201/UBND-TH3 ngày 01/03/2022 của UBND tỉnh Lâm Đồng đến 05/2023 và số lượng thành viên Hội đồng quản trị giảm còn 4 thành viên.

UBND tỉnh Lâm Đồng có quyết định số 1249/QĐ-UBND ngày 27/06/2023 về việc cử các người đại diện phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp và thông qua đề cử danh sách ứng viên tham gia bầu cử thành viên Hội đồng quản trị (gồm 5 thành viên), thành viên Ban kiểm soát (gồm 3 thành viên) Công ty nhiệm kỳ 2023-2028.

Ngày 28/06/2023, Đại hội đồng cổ đông nhiệm kỳ 2023-2028 đã tiến hành bầu cử thành viên HĐQT, thành viên BKS nhiệm kỳ 2023-2028; đồng thời bổ nhiệm Chủ tịch HĐQT, Giám đốc công ty, người phụ trách quản trị theo quy định và thông qua bằng Nghị quyết số 162/NQ-ĐHĐCĐ.

Trong năm 2023, Ban giám đốc đã có nhiều nỗ lực, đoàn kết và hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao, điều hành mọi hoạt động SXKD để thực hiện có hiệu quả Nghị quyết của HĐQT và Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông.

Trong các phiên họp của HĐQT, Ban Giám đốc Công ty đều báo cáo công tác điều hành sản xuất kinh doanh thuộc thẩm quyền theo Nghị Quyết đề thông qua và các vấn đề phát sinh theo yêu cầu thực tế của hoạt động sản xuất kinh doanh thuộc thẩm quyền của HĐQT. Ban Giám đốc thực hiện đúng quyền hạn theo điều lệ Công ty để thực hiện kế hoạch SXKD được giao.

Trong điều hành, Ban giám đốc Công ty phối hợp tốt với Chủ tịch HĐQT theo qui chế hoạt động, chỉ đạo các phòng nghiệp vụ hoàn thành nhiệm vụ theo yêu cầu đề ra. Tuy nhiên công tác quản lý điều hành chủ yếu thực hiện bằng thủ công, bằng kinh nghiệm chưa khoa học nên còn gặp nhiều khó khăn, chưa mạnh dạn đổi mới, còn lung túng trong công tác quản lý, sử dụng nhân sự. Việc triển khai Nghị quyết HĐQT còn chậm, phối hợp phân công nhiệm vụ trong Ban Giám đốc chưa chặt chẽ, công tác kiểm tra, giám sát chưa thường xuyên nên hiệu quả trong công tác quản lý, điều hành chưa cao.

3. Kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị

Duy trì và phát triển ổn định đảm bảo an toàn cấp nước, thực hiện dự án kiểm soát tỷ lệ thất thoát nước tại thành phố Bảo Lộc, đẩy nhanh công tác thi công, hoàn thành và đưa vào sử dụng các dự án “Xây dựng nhà máy nước mặt sông Đại Nga tại thành phố Bảo Lộc giai đoạn 1 công suất 5000m³/ngày” và dự án “Đầu tư Xây dựng hệ thống mạng lưới đường ống cấp nước thành phố Bảo Lộc (Giai đoạn 1)” sử dụng nguồn vốn vay quỹ đầu tư tỉnh Lâm Đồng và nguồn vốn tự có của Công ty nhằm bổ sung nguồn cấp nước, nâng cấp hệ thống mạng lưới cấp nước tiếp nhận nguồn nước mặt, đảm bảo đáp ứng nhu cầu sử dụng cho nhân dân trên địa bàn thành phố Bảo Lộc, dự án cấp nước các xã do Sở NNPTNT làm chủ đầu tư và cho các dự án mở rộng mạng lưới cấp nước khác.

Về công tác sản xuất cung cấp nước sạch: tiếp tục tiếp nhận nguồn nước mặt Hồ Nam Phương với Công ty CP đầu tư Thiên Hoà An, theo đồng mua bán nước đầu nguồn đã ký, đúng lộ trình về sản lượng, chủ động trong khâu phòng chống thất thoát nhằm giảm thiểu thiệt hại do bể vỡ đường ống; quản lý hồ sơ khai thác tại các trạm bơm theo quy định của nhà nước và triển khai công tác quan trắc tự động tại các trạm bơm theo hướng dẫn của Sở TNMT tỉnh Lâm Đồng

Nghiên cứu thực hiện các giải pháp quản lý vận hành mạng lưới cấp nước và nâng cao chất lượng dịch vụ chăm sóc khách hàng; quản lý có hiệu quả các chỉ tiêu sản xuất kinh doanh nước sạch, công tác đầu tư xây dựng, sửa chữa để nâng cao hiệu quả kinh doanh; tiếp tục tích cực phối hợp di dời, cải tạo nâng thay thế cũ các tuyến ống trong phạm vi công trình thi công hạ tầng đô thị thành phố Bảo Lộc qua đó kéo giảm tỷ lệ thất thoát nước; triển khai thực hiện đơn giá mua bán nước mới sau khi được các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

Đánh giá hiệu quả công tác tổ chức, giám sát kịp thời công tác điều hành, quản lý của Ban Giám đốc, tiếp tục điều chỉnh thay đổi mô hình quản lý xí nghiệp, các phòng ban Công ty tinh gọn và có hiệu quả nhất gắn lao động với vị trí việc làm, trả lương theo sản phẩm để tạo động lực cho người lao động, tăng cường công tác quản lý giám sát, chỉ đạo các hoạt động của ban Giám đốc và bộ máy giúp việc, tiếp tục rà soát, hoàn thiện các qui chế đã ban hành, tạo cơ sở pháp lý cho mọi hoạt động của Công ty theo qui định của Nhà nước. Sử dụng lao động hợp lý, tiết kiệm chi phí và đảm bảo quyền lợi hợp pháp và chính đáng của người lao động.

Chú trọng nâng cao năng suất lao động, đào tạo, tái đào tạo lại lực lượng lao động tâm huyết, có năng lực và thân thiện với khách hàng. Xây dựng hình ảnh Công ty Cấp nước có dịch vụ tốt, có trách nhiệm, thân thiện, chuyên nghiệp hướng đến khách hàng. Tăng cường mối đoàn kết, thực hiện đúng vai trò, nhiệm vụ của HĐQT, thực hiện theo Luật Doanh nghiệp, Điều lệ công ty, đảm bảo công khai, dân chủ thể hiện qua việc HĐQT có các Nghị quyết kịp thời tháo gỡ khó khăn cho Ban Giám đốc để hoàn thành các nội dung kế hoạch theo Nghị quyết năm 2024 được Đại hội đồng Cổ đông thông qua.

Triển khai thực hiện ý kiến chỉ đạo của Chủ sở hữu theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông năm 2024.

V. QUẢN TRỊ CÔNG TY

1. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

1.1 Thông tin về thành viên Hội đồng quản trị

STT	Thành viên HĐQT	Chức vụ (thành viên HĐQT độc lập, TV HĐQT không điều hành)	Ngày bắt đầu/không còn là thành viên HĐQT/ HĐQT độc lập	
			Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
01	Nguyễn Trọng Hiếu	Chủ Tịch HĐQT	28/06/2023	
02	Nguyễn Hữu Kiên	Giám đốc Công ty	28/06/2023	
03	Nguyễn Thị Thư Trúc	TV HĐQT – Kế toán trưởng	28/06/2023	
04	Nguyễn Đồng Anh Khoa	Thư Ký HĐQT	28/06/2023	
05	Phạm Đức Tú	TV HĐQT – Phụ trách phòng KHKT	28/06/2023	
06	Võ Thành Y	TV HĐQT	25/05/2018	28/06/2023

1.2 Các cuộc họp của Hội đồng quản trị

STT	Thành viên HĐQT	Số buổi họp tham dự	Tỷ lệ	Lý do không tham dự
01	Nguyễn Trọng Hiếu	04	100%	
02	Nguyễn Hữu Kiên	02	100 %	bổ nhiệm từ 28/06/2023
03	Nguyễn Thị Thư Trúc	04	100 %	
04	Nguyễn Đồng Anh Khoa	04	100 %	
05	Phạm Đức Tú	02	100 %	bổ nhiệm từ 28/06/2023
06	Võ Thành Y	02	100 %	miễn nhiệm từ 28/06/2023

1.3 Hoạt động giám sát của HĐQT đối với Ban Giám đốc

- Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Cấp thoát nước và XD Bảo Lộc đã triển khai thực hiện đầy đủ và nghiêm túc các Nghị quyết, Quyết định của HĐQT, chấp hành các chính sách, pháp luật theo quy định của Nhà nước trong quản lý điều hành Công ty, đảm bảo quyền lợi của Cổ đông và người lao động.

- Ban Giám đốc Công ty đã thực hiện tổ chức Đại hội Cổ đông năm 2023, nhiệm kỳ 2023-2028 theo đúng quy định và Nghị quyết của HĐQT Công ty.

- Đã chi trả cổ tức năm 2022 cho Cổ đông đúng thời hạn theo Nghị quyết của Đại hội cổ đông năm 2022.

1.4 Hoạt động của các tiểu ban thuộc HĐQT:

Tiểu Ban tổng hợp bao gồm các thành viên trong Ban kiểm soát, các cán bộ trưởng Phòng ban, Xi nghiệp chuyên môn, tham gia các cuộc họp mở rộng của HĐQT, nhằm đóng góp các ý kiến, cập nhật thông tin cho các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát.

1.5 Các Nghị Quyết/ Quyết định của Hội đồng quản trị

Thành viên Hội đồng quản trị đã tham gia đầy đủ các cuộc họp và cho ý kiến bằng văn bản đối với các vấn đề thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị với tinh thần trách nhiệm cao nhất, phát huy năng lực lãnh đạo của các thành viên, vì lợi ích của cổ đông và sự phát triển của công ty.

Trong năm 2023, Hội đồng quản trị đã tổ chức các phiên họp để chỉ đạo kịp thời các vấn đề thuộc trách nhiệm của HĐQT, cụ thể như sau:

Stt	Số Nghị quyết/Quyết định	Ngày	Nội Dung	Tỷ lệ thông qua
01	03/NQ-HĐQT	16/03/2023	Thông nhất tạm ứng cổ tức năm 2022 là 4,5% bằng tiền mặt.	100%
02	04/NQ - HĐQT	16/03/2023	Thông nhất gia hạn thời điểm tổ chức Đại hội cổ đông năm 2023, nhiệm kỳ 2023-2028	100%
03	05/NQ - HĐQT	16/03/2023	Thông nhất đánh giá, cử lại, đề cử người đại diện phần vốn nhà nước tại Công ty theo quy định tại Nghị định 159/2020/NĐ-CP	100%
04	06/NQ – HĐQT	16/03/2023	Thông nhất thông qua báo cáo kết quả thực hiện Nghị quyết Đại hội cổ đông, Nghị quyết Hội đồng quản trị năm 2021 và kế hoạch hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2022; thông nhất nội dung cần xin ý kiến chủ sở hữu biểu quyết trong ĐHĐCĐ 2023.	100%
05	09/NQ – HĐQT	25/05/2023	- Thông qua kết quả thực hiện sản xuất kinh doanh quý 1 năm 2023. - Thông nhất các công tác chuẩn bị Đại hội cổ đông năm 2023, nhiệm kỳ 2023-2028.	100%
06	17/NQ - HĐQT	28/06/2023	Bầu chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty nhiệm kỳ 2023-2028.	100%
07	18/NQ - HĐQT	28/06/2023	Bổ nhiệm Giám đốc Công ty nhiệm kỳ 2023-2028.	100%
08	20/NQ - HĐQT	28/06/2023	Bổ nhiệm người phụ trách quản trị, Thư ký HĐQT nhiệm kỳ 2023-2028.	100%
	23/NQ - HĐQT	22/07/2023	- Thông qua kết quả thực hiện Nghị quyết Hội đồng quản trị và kế hoạch hoạt động sản xuất kinh doanh 06 tháng đầu năm 2023. - Lựa chọn đơn vị kiểm toán báo cáo tài chính năm 2023 của Công ty. - Thông qua chủ trương thực hiện các công tác: quan trắc tại các trạm bơm; phương án đơn giá nước mới và tiến độ triển khai thực hiện các dự án.	100%
	26 /NQ - HĐQT	12/12/2023	- Thông qua tổng kết sản xuất kinh doanh 2023 của Công ty và dự kiến kế hoạch SXKD 2024 - Rà soát soát chấn chỉnh các nội dung chưa thực theo kết luận tại cuộc họp giao ban. - Thông nhất đơn giá mua bán nước đầu nguồn với Cty Cổ phần Đầu tư Thiên Hoà An năm 2024. - Thông qua công tác chuẩn bị đầu tư xây dựng trụ sở mới kết hợp với bể chứa điều hoà nước trong năm 2024 nhằm đảm bảo an toàn cấp nước.	100%

2. BAN KIỂM SOÁT:

2.1 Thông tin về thành viên Ban kiểm soát

STT	Thành viên BKS	Chức vụ	Ngày bắt đầu là thành viên BKS	Ngày kết thúc là thành viên BKS	Trình độ chuyên môn
1	Trần Thị Nga	Trưởng BKS	28/06/2023		Cử nhân Kinh tế
2	Lê Ngọc Vân	TV BKS	25/05/2018	28/06/2023	Cử nhân Kinh tế
3	Nguyễn Diễm Thùy Dung	TV BKS	28/06/2023		Cử nhân QTKD
4	Nguyễn Văn Tiến	TV BKS	28/06/2023		Cử nhân Tài chính kế toán

2.2 Cuộc họp của BKS

STT	Thành viên BKS	Số buổi họp tham dự	Tỷ lệ tham dự họp	Tỷ lệ biểu quyết	Lý do không tham dự họp
1	Trần Thị Nga	04	100%	100%	1
2	Lê Ngọc Vân	02	100%	100%	2
3	Nguyễn Diễm Thùy Dung	04	100%	100%	3
4	Nguyễn Văn Tiến	02	100%	100%	4

2.3 Hoạt động giám sát của BKS đối với HĐQT, Ban Giám đốc điều hành và cổ đông

* Đối với HĐQT:

- HĐQT tổ chức các cuộc họp định kỳ theo đúng quy định. Các cuộc họp đều có nội dung cụ thể, được ghi biên bản và ban hành Nghị quyết.

- Công tác hoạt động quản trị của HĐQT đảm bảo tính công khai, minh bạch, tập trung vào chiến lược kinh doanh, hướng tới mục tiêu hiệu quả và thực hiện theo đúng pháp luật, các quy định, Điều lệ của Công ty và Nghị quyết của ĐHĐCĐ.

* Đối với Ban Giám đốc điều hành:

- Ban Giám đốc đã thực hiện nhiều giải pháp tăng cường chống thất thoát giúp tỷ lệ thất thoát có xu hướng giảm, đạt hiệu quả cao. Thực hiện tốt công tác quản lý tài chính.

- Chủ động triển khai thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh, thực hiện đầy đủ nghĩa vụ với Nhà nước, với Cổ đông và Người lao động

- BGD đã bám sát mục tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh mà ĐHĐCĐ đề ra, tập trung triển khai các giải pháp để nâng cao năng lực sản xuất, chất lượng sản phẩm, giảm thiểu chi phí, tối đa hóa lợi nhuận.

- Đối với cổ đông: Trong năm Ban kiểm soát không nhận được bất kỳ đơn thư yêu cầu hay khiếu nại của cổ đông hoặc nhóm cổ đông có tỷ lệ và thời gian sở hữu cổ phần theo quy định tại Điều lệ Công ty.

2.4 Sự phối hợp hoạt động giữa BKS đối với hoạt động của HĐQT, Ban Giám đốc điều hành và các cán bộ quản lý khác

Trong năm hoạt động, thành viên Ban kiểm soát được cung cấp đầy đủ, kịp thời các Nghị quyết, quyết định của HĐQT và Ban điều hành theo đúng diễn biến hoạt động của Công ty. Thành viên BKS đã duy trì được mối quan hệ công tác, sự phối hợp chặt chẽ với HĐQT, Ban điều hành và Cán bộ công nhân viên trong Công ty, được tạo điều kiện thuận lợi thực hiện tốt công tác kiểm tra, kiểm soát.

2.5 Hoạt động khác của BKS: không có

3. BAN ĐIỀU HÀNH

STT	Thành viên Ban điều hành	Ngày tháng năm sinh	Trình độ chuyên môn	Ngày bổ nhiệm/ miễn nhiệm thành viên Ban điều hành/
1	Nguyễn Hữu Kiên	19/05/1969	Kỹ Sư Điện	Ngày bổ nhiệm Giám đốc: 28/06/2023

4. KẾ TOÁN TRƯỞNG

Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Trình độ chuyên môn nghiệp vụ	Ngày bổ nhiệm
Nguyễn Thị Thu Trúc	19/10/1980	Cử nhân kinh tế	06/06/2019

5. ĐÀO TẠO VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY

Các khóa đào tạo về quản trị công ty mà các thành viên HĐQT, thành viên BKS, Giám đốc (Tổng Giám đốc) điều hành, các cán bộ quản lý khác và Thư ký công ty đã tham gia theo quy định về quản trị công ty: *không có*

6. CÁC GIAO DỊCH, THÙ LAO VÀ CÁC KHOẢN LỢI ÍCH CỦA HĐQT, BAN ĐIỀU HÀNH, BAN KIỂM SOÁT

6.1 Các khoản lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích khác: *thực hiện theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông năm 2023, nhiệm kỳ 2023-2028.*

6.2 Giao dịch giữa công ty với người có liên quan của công ty; hoặc giữa công ty với cổ đông lớn, người nội bộ, người có liên quan của người nội bộ

STT	Tên tổ chức/cá nhân	Mối quan hệ liên quan với công ty	Số Giấy NSH*, ngày cấp, nơi cấp	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ	Thời điểm giao dịch với công ty	Số Nghị quyết/ Quyết định của ĐHĐCĐ/ HĐQT... thông qua	Số lượng, tỷ lệ nắm giữ cổ phiếu sau khi giao dịch	Ghi chú
1	UBND tỉnh Lâm Đồng	Cổ đông nhà nước		Số 04 Trần Hưng Đạo, Phường 3, Thành phố Đà Lạt, Lâm Đồng	2008		2.050.300 (75,94%)	Ngày chốt danh sách sở hữu: 14/04/2023

6.3 Danh sách người nội bộ và người có liên quan của người nội bộ:

STT	Tên tổ chức/cá nhân	TKGDCK (nếu có)	Chức vụ tại công ty (nếu có)	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ	Ghi chú
HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ						
1	Nguyễn Trọng Hiếu	-	Chủ Tịch HĐQT	1.025.150 (Được ủy quyền) 8.500 (Cá nhân)	38,28%	Người đại diện vốn CSH NN theo Quyết định số 1249/QĐ-UBND tỉnh LB ngày 27/06/2023, Nghị quyết 162/NQ-ĐHĐCĐ ngày 28/06/2023, Nghị quyết số 17/NQ-HĐQT ngày 28/06/2023.

STT	Tên tổ chức/cá nhân	TKGDCK (nếu có)	Chức vụ tại công ty (nếu có)	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ	Ghi chú
1.01	Nguyễn Khắc Khánh	-	-	5.000	0,19%	Anh ruột
1.02	Dương Thị Hoa	-	-	3.000	0,11%	Vợ
2	Nguyễn Hữu Kiên	-	Thành viên HĐQT - Giám đốc	512.575 (Được uỷ quyền) 11.900 (Cá nhân)	19,43%	Người đại diện vốn CSH NN theo Quyết định số 1249/QĐ-UBND tỉnh LD ngày 27/06/2023, Nghị quyết 162/NQ-ĐHĐCĐ ngày 28/06/2023, Nghị quyết số 18/NQ-HĐQT ngày 28/06/2023.
3	Nguyễn Thị Thu Trúc	-	Thành viên HĐQT – Kế toán trưởng	512.575 (Được uỷ quyền) 3.400 (Cá nhân)	19,11%	Người đại diện vốn CSH NN theo Quyết định số 1249/QĐ-UBND tỉnh LD ngày 27/06/2023, Nghị quyết 162/NQ-ĐHĐCĐ ngày 28/06/2023.
3.01	Hà Duy Hưng	-	NV P.Tổng hợp	3.800	0,14%	Chồng
4	Nguyễn Đồng Anh Khoa	-	Thành viên HĐQT – Người phụ trách quản trị, Thư ký HĐQT.	-	-	Nghị quyết 162/NQ-ĐHĐCĐ ngày 28/06/2023, Nghị quyết số 20/NQ-HĐQT ngày 28/06/2023.
5	Phạm Đức Tú	-	Thành viên HĐQT - Phụ trách phòng Kế hoạch Kỹ thuật	-	-	Nghị quyết 162/NQ-ĐHĐCĐ ngày 28/06/2023.
BAN KIỂM SOÁT						
1	Trần Thị Nga	-	Trưởng BKS – NV Xí nghiệp Công ty	2.500	0.09%	Nghị quyết 162/NQ-ĐHĐCĐ ngày 28/06/2023.
2	Nguyễn Văn Tiến	-	Thành viên BKS	28.200	1,04%	Nghị quyết 162/NQ-ĐHĐCĐ ngày 28/06/2023.
3	Nguyễn Diễm Thùy Dung	-	TV BKS – Phụ trách P.Tổng hợp	-	-	Nghị quyết 162/NQ-ĐHĐCĐ ngày 28/06/2023.
BAN ĐIỀU HÀNH						
1	Nguyễn Hữu Kiên	-	Thành viên HĐQT - Giám đốc	512.575 (Được uỷ quyền) 11.900 (Cá nhân)	19,43%	Người đại diện vốn CSH NN theo Quyết định số 1249/QĐ-UBND tỉnh LD ngày 27/06/2023, Nghị quyết 162/NQ-ĐHĐCĐ ngày 28/06/2023, Nghị quyết số 18/NQ-HĐQT ngày 28/06/2023.

- 6.4 Giao dịch của người nội bộ và người có liên quan đối với cổ phiếu của công ty: *Không có*
- 6.5 Giao dịch giữa người nội bộ công ty, người có liên quan của người nội bộ với công ty con, công ty do công ty nắm quyền kiểm soát: *Không có*
- 6.6 Giao dịch giữa công ty với các đối tượng khác:
- Giao dịch giữa công ty với công ty mà thành viên HĐQT, thành viên Ban Kiểm soát, Giám đốc (Tổng Giám đốc) và người quản lý khác đã và đang là thành viên sáng lập hoặc thành viên HĐQT, Giám đốc (Tổng Giám đốc) điều hành trong thời gian ba (03) năm trở lại đây (tính tại thời điểm lập báo cáo): *Không có*
 - Giao dịch giữa công ty với công ty mà người có liên quan của thành viên HĐQT, thành viên Ban Kiểm soát, Giám đốc (Tổng Giám đốc) và người quản lý khác là thành viên HĐQT, Giám đốc (Tổng Giám đốc) điều hành: *Không có*
 - Các giao dịch khác của công ty (nếu có) có thể mang lại lợi ích vật chất hoặc phi vật chất đối với thành viên HĐQT, thành viên Ban Kiểm soát, Giám đốc (Tổng Giám đốc) và người quản lý khác: *Không có*
- 6.7 Việc thực hiện các quy định về quản trị công ty: *Công ty thực hiện đúng quy định của pháp luật về quản trị Công ty.*

VI. BÁO CÁO TÀI CHÍNH NĂM 2023 ĐÃ KIỂM TOÁN

1. Ý kiến kiểm toán:

Trích Báo cáo kiểm toán độc lập số 066/2023/BCTC-FAC ngày 25/03/2023 của Công ty TNHH Kiểm toán AFC Việt Nam về Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Cấp thoát nước và Xây dựng Bảo Lộc năm 2023.

“Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Cấp thoát nước và Xây dựng Bảo Lộc tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.”

2. Báo cáo tài chính 2023 đã kiểm toán.

Báo cáo tài chính năm 2023 Công ty Cổ phần Cấp thoát nước và Xây dựng Bảo Lộc đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán AFC Việt Nam.

Chi tiết được thể hiện tại Báo cáo tài chính năm 2023 đã kiểm toán đính kèm.

Nơi nhận:

- UBCKNN;
- SGDCCK Hà Nội;
- Lưu.

Bảo Lộc, ngày 23 tháng 03 năm 2024

CTY CP CẤP THOÁT NƯỚC VÀ XD BẢO LỘC
T/M HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



Nguyễn Trọng Hiếu



CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN FAC
FAC AUDITING CO., LTD

Website: www.kiemtoanfac.vn

Công ty Cổ phần Cấp thoát nước và Xây dựng Bảo Lộc

Báo cáo tài chính đã được kiểm toán

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023



MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
1. Thông tin chung	1 - 2
2. Báo cáo của Ban Điều hành	3
3. Báo cáo kiểm toán độc lập	4 - 5
4. Bảng cân đối kế toán	6 - 7
5. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	8
6. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	9 - 10
7. Thuyết minh Báo cáo tài chính	11 - 34

305
ÔN
KIẾ
12.

THÔNG TIN CHUNG

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Cấp thoát nước và Xây dựng Bảo Lộc (sau đây gọi tắt là "Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh Nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 4203000184, do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Lâm Đồng cấp lần đầu vào ngày 13 tháng 02 năm 2008, và theo các Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp ("GCNĐKDN") điều chỉnh sau:

<u>GCNĐKDN điều chỉnh</u>	<u>Mã số</u>	<u>Ngày</u>
Điều chỉnh lần thứ nhất	5800563106	Ngày 24 tháng 6 năm 2011
Điều chỉnh lần thứ hai	5800563106	Ngày 12 tháng 6 năm 2015
Điều chỉnh lần thứ ba	5800563106	Ngày 06 tháng 12 năm 2016
Điều chỉnh lần thứ tư	5800563106	Ngày 01 tháng 6 năm 2022

Hoạt động chính trong năm hiện tại của Công ty là sản xuất và phân phối nước sạch; tư vấn lập dự án đầu tư; xây dựng hệ thống công trình cấp thoát nước, dân dụng và công nghiệp; sản xuất nước tinh khiết đóng chai; khoan khai thác nước ngầm, địa chất công trình; xử lý nước thải, xử lý môi trường; đầu tư xây dựng hạ tầng.

TRỤ SỞ CHÍNH

Địa chỉ : số 56 Lê Thị Pha, Phường 1, thành phố Bảo Lộc, tỉnh Lâm Đồng.
Điện thoại : (0263) 3864 073
Fax : (0263) 3711 608
Mã số thuế : **5800563106**

Công ty có một (01) chi nhánh là Chi nhánh Công ty Cổ phần Cấp thoát nước và Xây dựng Bảo Lộc - Xí nghiệp Thi công Xây lắp. Hoạt động chính của Xí nghiệp là thi công xây lắp và quản lý thủy lượng kế, có địa chỉ ở số 56 Lê Thị Pha, Phường 1, thành phố Bảo Lộc, tỉnh Lâm Đồng.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Nguyễn Trọng Hiếu	Chủ tịch	tái bổ nhiệm từ ngày 28 tháng 6 năm 2023
Ông Nguyễn Hữu Kiên	Thành viên	bổ nhiệm từ ngày 28 tháng 6 năm 2023
Bà Nguyễn Thị Thư Trúc	Thành viên	tái bổ nhiệm từ ngày 28 tháng 6 năm 2023
Ông Nguyễn Đồng Anh Khoa	Thành viên	tái bổ nhiệm từ ngày 28 tháng 6 năm 2023
Ông Phạm Đức Tú	Thành viên	bổ nhiệm từ ngày 28 tháng 6 năm 2023
Ông Võ Thành Y	Thành viên	miễn nhiệm từ ngày 28 tháng 6 năm 2023

BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên Ban kiểm soát trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Bà Trần Thị Nga	Trưởng ban	tái bổ nhiệm từ ngày 28 tháng 6 năm 2023
Ông Nguyễn Văn Tiến	Thành viên	bổ nhiệm từ ngày 28 tháng 6 năm 2023
Bà Nguyễn Diễm Thùy Dung	Thành viên	tái bổ nhiệm từ ngày 28 tháng 6 năm 2023
Ông Lê Ngọc Vân	Thành viên	miễn nhiệm từ ngày 28 tháng 6 năm 2023

Công ty Cổ phần Cấp thoát nước và Xây dựng Bảo Lộc

Thông tin chung (tiếp theo)

BAN ĐIỀU HÀNH

Các thành viên Ban Điều hành trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Nguyễn Trọng Hiếu	Chủ tịch HĐQT	tái bổ nhiệm từ ngày 28 tháng 6 năm 2023
Ông Nguyễn Hữu Kiên	Giám đốc	bổ nhiệm từ ngày 28 tháng 6 năm 2023
Bà Nguyễn Thị Thư Trúc	Kế toán trưởng	

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và vào ngày lập báo cáo này là Ông Nguyễn Trọng Hiếu - Chủ tịch Hội đồng Quản trị.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Kiểm toán FAC là công ty kiểm toán cho Công ty.



BÁO CÁO CỦA BAN ĐIỀU HÀNH

Ban Điều hành Công ty Cổ phần Cấp thoát nước và Xây dựng Bảo Lộc (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo này và Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN ĐIỀU HÀNH ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Điều hành chịu trách nhiệm đảm bảo Báo cáo tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập báo cáo tài chính này, Ban Điều hành cần phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các Chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những Chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Điều hành chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với Chế độ kế toán đã được áp dụng. Ban Điều hành cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Điều hành cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính kèm theo.

CÔNG BỐ CỦA BAN ĐIỀU HÀNH

Theo ý kiến của Ban Điều hành, Báo cáo tài chính kèm theo phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Thay mặt Ban Điều hành



Nguyễn Trọng Hiếu

Chủ tịch Hội đồng quản trị

Bảo Lộc, ngày 25 tháng 3 năm 2024



Số: 066/2023/BCTC-FAC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Quý cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Điều hành
Công ty Cổ phần Cấp thoát nước và Xây dựng Bảo Lộc**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Cấp thoát nước và Xây dựng Bảo Lộc (gọi tắt là "Công ty") được lập ngày 25 tháng 3 năm 2024 và được trình bày từ trang 6 đến trang 34, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và các Thuyết minh Báo cáo tài chính kèm theo.

Trách nhiệm của Ban Điều hành

Ban Điều hành Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Điều hành xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của Kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, Kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Điều hành cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Báo cáo kiểm toán độc lập (tiếp theo)

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Cấp thoát nước và Xây dựng Bảo Lộc tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN FAC



Nguyễn Trọng Huy - Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề

kiểm toán số 3563-2021-099-1

Thành phố Hồ Chí Minh

Ngày 25 tháng 3 năm 2024



Nguyễn Hữu Thắng - Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề

kiểm toán số 2818-2020-099-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN


Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị tính: VND


TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		16.682.132.233	16.616.931.342
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		2.699.663.488	2.500.847.330
1 Tiền	111	4	2.699.663.488	2.500.847.330
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		7.956.156.553	7.601.265.830
1 Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	5	7.956.156.553	7.601.265.830
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		2.908.400.149	3.471.133.648
1 Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	6	2.551.774.863	1.351.308.150
2 Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	7	-	353.234.134
3 Phải thu ngắn hạn khác	136	8	845.695.673	2.243.747.233
4 Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	9	(489.070.387)	(477.155.869)
IV. Hàng tồn kho	140	10	3.117.912.043	3.043.684.534
1 Hàng tồn kho	141		3.117.912.043	3.043.684.534
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		23.555.298.301	23.374.315.307
I. Tài sản cố định	220		19.343.066.420	20.078.551.945
1 Tài sản cố định hữu hình	221	11	19.220.451.420	19.862.528.612
- Nguyên giá	222		62.820.952.743	60.481.227.288
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(43.600.501.323)	(40.618.698.676)
2 Tài sản cố định vô hình	227	12	122.615.000	216.023.333
- Nguyên giá	228		545.000.000	545.000.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(422.385.000)	(328.976.667)
II. Tài sản dở dang dài hạn	240		2.221.365.840	1.207.427.163
1 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	13	2.221.365.840	1.207.427.163
III. Tài sản dài hạn khác	260		1.990.866.041	2.088.336.199
1 Chi phí trả trước dài hạn	261	14	1.968.627.391	2.066.097.549
2 Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262		22.238.650	22.238.650
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		40.237.430.534	39.991.246.649

2447
YTN
TOÁN
C
TỔNG

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		5.427.044.675	4.576.085.842
I. Nợ ngắn hạn	310		5.293.547.605	4.479.303.392
1 Phải trả người bán ngắn hạn	311	15	184.593.800	11.880.000
2 Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	16	436.362.895	670.300.000
3 Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	17	542.430.015	419.356.562
4 Phải trả người lao động	314		2.610.502.022	1.877.886.611
5 Chi phí phải trả ngắn hạn	315	18	399.431.443	464.427.389
6 Phải trả ngắn hạn khác	319	19	516.108.028	482.561.551
7 Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	20	604.119.402	552.891.279
II. Nợ dài hạn	330		133.497.070	96.782.450
1 Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343	21	133.497.070	96.782.450
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		34.810.385.859	35.415.160.807
I. Vốn chủ sở hữu	410	22	34.810.385.859	35.415.160.807
1 Vốn cổ phần	411	22.2	27.000.000.000	27.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		27.000.000.000	27.000.000.000
2 Vốn khác của chủ sở hữu	414		1.578.413.446	1.578.413.446
3 Quỹ đầu tư phát triển	418		2.929.082.117	2.790.535.812
4 Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		3.302.890.296	4.046.211.549
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		2.508.218.939	2.614.848.503
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này	421b		794.671.357	1.431.363.046
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		40.237.430.534	39.991.246.649


 Nguyễn Thị Thu Trúc
 Người lập biểu - Kế toán trưởng




 Nguyễn Trọng Hiếu
 Chủ tịch Hội đồng quản trị


Bảo Lộc, ngày 25 tháng 3 năm 2024


BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	
			Năm nay	Năm trước
1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	23	35.334.528.342	32.055.721.362
2 Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3 Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	23	35.334.528.342	32.055.721.362
4 Giá vốn hàng bán và dịch vụ đã cung cấp	11	24	25.184.541.835	20.901.332.519
5 Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		10.149.986.507	11.154.388.843
6 Doanh thu hoạt động tài chính	21	25	306.133.224	273.368.030
7 Chi phí tài chính	22		-	-
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		-	-
8 Chi phí bán hàng	25	26	5.649.406.506	6.631.929.068
9 Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	27	2.973.308.420	2.891.857.472
10 Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		1.833.404.805	1.903.970.333
11 Thu nhập khác	31	28	2.586.060	18.249.913
12 Chi phí khác	32	28	618.751.813	34.506.262
13 Lợi nhuận khác	40	28	(616.165.753)	(16.256.349)
14 Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		1.217.239.052	1.887.713.984
15 Chi phí thuế Thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	30.1	422.567.695	456.350.938
16 Lợi nhuận sau thuế Thu nhập doanh nghiệp	60		794.671.357	1.431.363.046
17 Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	32	294	479


 Nguyễn Thị Thư Trúc
 Người lập biểu - Kế toán trưởng


 Nguyễn Trọng Hiếu
 Chủ tịch Hội đồng quản trị

Bảo Lộc, ngày 25 tháng 3 năm 2024

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ


(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023


Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1 Lợi nhuận trước thuế	01		1.217.239.052	1.887.713.984
2 Điều chỉnh cho các khoản				
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	11,12	3.075.210.980	3.133.738.970
- Các khoản dự phòng	03	6	11.914.518	402.781.148
- Lãi từ hoạt động đầu tư	05		(306.133.224)	(273.368.030)
- Các khoản điều chỉnh khác	07		36.714.620	35.215.100
3 Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		4.034.945.946	5.186.081.172
- (Tăng)/giảm các khoản phải thu	09		550.818.981	(625.145.050)
- Tăng hàng tồn kho	10		(74.227.509)	(656.294.447)
- Tăng/(giảm) các khoản phải trả	11		954.550.546	(195.628.943)
- Giảm chi phí trả trước	12		97.470.158	586.750.167
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	17	(646.121.901)	(452.941.526)
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(133.218.182)	(111.716.681)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		4.784.218.039	3.731.104.692
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1 Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		(3.353.664.132)	(2.239.424.435)
2 Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(354.890.723)	(2.709.276.228)
3 Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	25	306.133.224	273.368.030
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(3.402.421.631)	(4.675.332.633)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1 Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	22.3	(1.182.980.250)	(1.213.468.250)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		<u>(1.182.980.250)</u>	<u>(1.213.468.250)</u>
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		198.816.158	(2.157.696.191)
Tiền đầu năm	60	4	2.500.847.330	4.658.543.521
Tiền cuối năm	70	4	<u>2.699.663.488</u>	<u>2.500.847.330</u>


 Nguyễn Thị Thư Trúc
 Người lập biểu - Kế toán trưởng




 Nguyễn Trọng Hiếu
 Chủ tịch Hội đồng quản trị

Bảo Lộc, ngày 25 tháng 3 năm 2024

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

1. THÔNG TIN VỀ DOANH NGHIỆP

Công ty Cổ phần Cấp thoát nước và Xây dựng Bảo Lộc (sau đây gọi tắt là "Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh Nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 4203000184, do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Lâm Đồng cấp lần đầu vào ngày 13 tháng 02 năm 2008, và theo các Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp ("GCNĐKDN") điều chỉnh sau:

<u>GCNĐKDN điều chỉnh</u>	<u>Ngày</u>
Điều chỉnh lần thứ nhất	Ngày 24 tháng 6 năm 2011
Điều chỉnh lần thứ hai	Ngày 12 tháng 6 năm 2015
Điều chỉnh lần thứ ba	Ngày 06 tháng 12 năm 2016
Điều chỉnh lần thứ tư	Ngày 01 tháng 6 năm 2022

Hoạt động chính trong năm hiện tại của Công ty là sản xuất và phân phối nước sạch; tư vấn lập dự án đầu tư; xây dựng hệ thống công trình cấp thoát nước, dân dụng và công nghiệp; sản xuất nước tinh khiết đóng chai; khoan khai thác nước ngầm, địa chất công trình; xử lý nước thải, xử lý môi trường; đầu tư xây dựng hạ tầng.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

Công ty có trụ sở chính tại số 56 Lê Thị Pha, Phường 1, thành phố Bảo Lộc, tỉnh Lâm Đồng.

Công ty có một (01) chi nhánh là Chi nhánh Công ty Cổ phần Cấp thoát nước và Xây dựng Bảo Lộc - Xí nghiệp Thi công Xây lắp. Hoạt động chính của Xí nghiệp là thi công xây lắp và quản lý thủy lượng kế, có địa chỉ ở số 56 Lê Thị Pha, Phường 1, thành phố Bảo Lộc, tỉnh Lâm Đồng.

Số lượng nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 là: 63 người
(ngày 31 tháng 12 năm 2022 là: 65 người)

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

2.1. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính của Công ty được trình bày bằng đồng Việt Nam ("VND") phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành theo:

- Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, báo cáo tài chính được trình bày kèm theo và việc sử dụng các báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

2.2. Hình thức sổ kế toán áp dụng

Hình thức sổ kế toán được áp dụng của Công ty là Nhật ký chung.

2.3. Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

2.4. Đơn vị tiền tệ trong kế toán

Báo cáo tài chính được lập bằng đơn vị tiền tệ trong kế toán của Công ty là Đồng Việt Nam ("VND").

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

3.1. Tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ và các khoản tiền gửi không kỳ hạn.

3.2. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Các khoản suy giảm giá trị của khoản đầu tư nếu phát sinh được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

3.3. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá thành để đưa mỗi sản phẩm đến vị trí và điều kiện hiện tại và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho với giá trị được xác định như sau:

- | | |
|---------------------------------------|---|
| Nguyên vật liệu công cụ, dụng cụ. | - chi phí mua theo phương pháp bình quân gia quyền. |
| Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang. | - giá vốn nguyên vật liệu và lao động trực tiếp cộng chi phí sản xuất chung có liên quan được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường theo phương pháp bình quân gia quyền. |

Dự phòng giảm giá Hàng tồn kho

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời, v.v.) có thể xảy ra đối với nguyên vật liệu, thành phẩm, hàng hóa tồn kho khác thuộc quyền sở hữu của Công ty dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

3.4. Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên Báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Khi các khoản nợ phải thu khó đòi được xác định là không thể thu hồi được và kế toán thực hiện xóa nợ, các khoản chênh lệch phát sinh giữa số dự phòng nợ phải thu khó đòi và giá gốc nợ phải thu được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

3.5. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sẵn sàng hoạt động như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và các khoản lãi lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

3.6. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sẵn sàng hoạt động như dự kiến.

Các chi phí nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất được ghi nhận như một tài sản vô hình khi Công ty được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Nguyên giá Quyền sử dụng đất bao gồm tất cả những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa đất vào trạng thái sẵn sàng để sử dụng và không được khấu trừ khi có thời gian sử dụng vô thời hạn.

Phần mềm máy tính

Phần mềm máy tính không phải là cấu phần không thể thiếu của phần cứng thì được ghi nhận như tài sản cố định vô hình và được phân bổ trong thời gian sử dụng hữu ích ước tính.

3.7. Khấu hao và hao mòn

Khấu hao tài sản cố định hữu hình và hao mòn tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Nhà cửa và vật kiến trúc	10 - 50 năm
Máy móc và thiết bị	02 - 10 năm
Phương tiện vận tải	05 - 30 năm
Thiết bị quản lý	03 - 08 năm
Quyền sử dụng đất	33 năm
Phần mềm máy tính	03 năm

3.8. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản lý hoặc cho các mục đích khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí cần thiết để hình thành tài sản bao gồm chi phí xây lắp, thiết bị, chi phí khác và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Các chi phí này sẽ được chuyển sang nguyên giá tài sản cố định theo giá tạm tính (nếu chưa có quyết toán được phê duyệt) khi các tài sản được bàn giao đưa vào sử dụng.

Theo quy định về quản lý đầu tư và xây dựng của Nhà nước, tùy theo phân cấp quản lý, giá trị quyết toán các công trình xây dựng cơ bản hoàn thành cần được các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt. Do đó, giá trị cuối cùng của các công trình xây dựng cơ bản có thể thay đổi và phụ thuộc vào quyết toán được phê duyệt bởi các cơ quan có thẩm quyền.

3.9. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

Các loại chi phí sau đây được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

- Chi phí đồng hồ;
- Chi phí ống cấp 3, ống trục chung.

3.10. Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

3.11. Phân chia lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được chia cho các cổ đông sau khi được các cấp có thẩm quyền Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ của Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Công ty trích lập các Quỹ dự phòng sau từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty theo đề nghị của Hội đồng Quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng cổ đông thường niên.

- *Quỹ Đầu tư phát triển*

Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty.

- *Quỹ Khen thưởng và Phúc lợi*

Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên, và được trình bày như một khoản phải trả trên bảng cân đối kế toán.

- *Các Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu*

Các Quỹ khác được trích lập theo Điều lệ của Công ty và các quy định pháp lý của Việt Nam.

3.12. Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi các rủi ro trọng yếu và các quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển sang người mua, thường là trùng với thời điểm chuyển giao hàng hóa.

Doanh thu từ hợp đồng xây dựng

Doanh thu từ hợp đồng xây dựng được ghi nhận theo chính sách kế toán của Công ty về Hợp đồng xây dựng (Thuyết minh 3.13).

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi dịch vụ đã thực hiện và hoàn thành.

Doanh thu cung cấp nước

Doanh thu cung cấp nước ghi nhận hàng tháng căn cứ vào khối lượng nước sử dụng theo chỉ số trên đồng hồ nước và đơn giá đã được phê duyệt của Ủy ban nhân dân tỉnh Lâm Đồng.

Tiền lãi

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

3.13. Hợp đồng xây dựng

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng có thể được ước tính một cách đáng tin cậy, thì doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán bằng cách dựa vào khối lượng công việc hoàn thành thực tế của dự án, trừ khi tỷ lệ này không đại diện cho mức độ hoàn thành..

Trường hợp hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện, khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng có thể được ước tính một cách đáng tin cậy và được xác nhận bởi khách hàng, thì doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận trên hóa đơn.

Các khoản tăng giảm khi thực hiện hợp đồng, các khoản tiền thưởng và các khoản thanh toán khác chỉ được tính vào doanh thu khi đã được thống nhất với khách hàng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể ước tính được một cách đáng tin cậy, thì doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc hoàn trả là tương đối chắc chắn. Chi phí của hợp đồng chỉ được ghi nhận là chi phí trong năm khi các chi phí này đã phát sinh.

3.14. Thuế

Thuế thu nhập hiện hành

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến được thu hồi từ hoặc phải nộp cho cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải nộp khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc năm tài chính giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích lập Báo cáo tài chính.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ:

- Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch;
- Các chênh lệch tạm thời chịu thuế gắn liền với các khoản đầu tư vào công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh khi Công ty có khả năng kiểm soát thời gian hoàn nhập khoản chênh lệch tạm thời và chắc chắn khoản chênh lệch tạm thời sẽ không được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán.

Thuế thu nhập hoãn lại

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ:

- Tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch;
- Đối với các chênh lệch tạm thời được khấu trừ phát sinh từ các khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh, tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận khi chắc chắn là chênh lệch tạm thời sẽ được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán được và có lợi nhuận chịu thuế để sử dụng được khoản chênh lệch tạm thời đó.

Thuế (tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại (tiếp theo)

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài chính khi tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi doanh nghiệp có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:

- đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
- Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

3.15. Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc cá nhân, bao gồm cả các thành viên mật thiết trong gia đình họ.

3.16. Công cụ tài chính

Công cụ tài chính – Ghi nhận ban đầu và trình bày

Tài sản tài chính

Theo Thông tư số 210/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 6 tháng 11 năm 2009 hướng dẫn áp dụng Chuẩn mực Báo cáo Tài chính Quốc tế về trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính ("Thông tư 210"), tài sản tài chính được phân loại một cách phù hợp, cho mục đích thuyết minh trong báo cáo tài chính, thành tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản cho vay và phải thu, các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn và tài sản tài chính sẵn sàng để bán. Công ty quyết định việc phân loại các tài sản tài chính này tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, tài sản tài chính được xác định theo nguyên giá cộng với chi phí giao dịch trực tiếp có liên quan.

Các tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các công cụ tài chính được niêm yết và không được niêm yết và các công cụ tài chính phái sinh.

Công cụ tài chính (tiếp theo)

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính theo phạm vi của Thông tư 210, cho mục đích thuyết minh trong báo cáo tài chính riêng, được phân loại một cách phù hợp thành các nợ phải trả tài chính được ghi nhận thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng, hoặc các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ. Công ty xác định việc phân loại các nợ phải trả tài chính thời điểm ghi nhận ban đầu.

Tất cả nợ phải trả tài chính được ghi nhận ban đầu theo nguyên giá trừ các chi phí giao dịch trực tiếp có liên quan.

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác, nợ và vay và các công cụ tài chính phái sinh.

Công cụ tài chính – Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Hiện tại, Thông tư 210 không có hướng dẫn về việc xác định lại giá trị của các công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu. Do đó giá trị sau ghi nhận ban đầu của các công cụ tài chính đang được phản ánh theo nguyên giá.

Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được bù trừ và giá trị thuần sẽ được trình bày trên bảng cân đối kế toán nếu, và chỉ nếu, Công ty có quyền hợp pháp thực hiện việc bù trừ các giá trị đã được ghi nhận này và có ý định bù trừ trên cơ sở thuần, hoặc thu được các tài sản và thanh toán nợ phải trả đồng thời.

3.17. Thông tin theo bộ phận

Một bộ phận là một cấu phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận được chia theo hoạt động kinh doanh) hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận được chia theo khu vực địa lý). Mỗi một bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt so với các bộ phận khác.

Hoạt động chính của Công ty là thi công lắp đặt và cung cấp nước. Đồng thời, hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty chủ yếu được thực hiện trong khu vực tỉnh Lâm Đồng, Việt Nam. Vì vậy, rủi ro và tỷ suất sinh lời của Công ty không bị tác động chủ yếu bởi những khác biệt về sản phẩm mà Công ty sản xuất ra hoặc do Công ty hoạt động tại nhiều khu vực địa lý khác nhau. Do đó, Ban Điều hành nhận định là Công ty chỉ có một bộ phận theo hoạt động kinh doanh và khu vực địa lý. Theo đó, Công ty không cần phải trình bày thông tin theo bộ phận.

4. TIỀN

	VND	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Tiền mặt	324.541.090	238.895.059
Tiền gửi ngân hàng	2.375.122.398	2.261.952.271
TỔNG CỘNG	2.699.663.488	2.500.847.330

5. ĐẦU TƯ NĂM GIỮ ĐẾN NGÀY ĐÁO HẠN

Đầu tư năm giữ đến ngày đáo hạn thể hiện các khoản tiền gửi ngắn hạn bằng đồng Việt Nam tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam - Chi nhánh Bảo Lộc có kỳ hạn gốc ba tháng và hưởng lãi suất từ 2,9% đến 3,3% một năm.

6. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	VND	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Công ty Cổ phần Lizen	483.994.800	483.994.800
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Phát triển Đông Đô 1 - BQP	279.161.858	279.161.858
Ban Quản lý Dự án Đầu tư Xây dựng thành phố Bảo Lộc	167.382.909	202.862.058
Công ty TNHH An Thành Sơn	216.818.182	-
Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Huỳnh Tâm Long	800.975.041	-
Công ty TNHH Tiến Tài	153.069.977	-
Công ty TNHH Tư vấn Đầu tư Xây dựng Nhân Tâm	107.963.637	-
Phải thu các khách hàng khác	342.408.459	385.289.434
TỔNG CỘNG	2.551.774.863	1.351.308.150
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	(489.070.387)	(477.155.869)

7. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	VND	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Công ty Cổ phần Tư vấn Nam Khang	-	353.234.134
TỔNG CỘNG	-	353.234.134

8. CÁC KHOẢN PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

	VND	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Tạm ứng cho nhân viên	822.551.476	1.552.496.738
Ký quỹ, ký cược	-	588.279.176
Lãi dự thu tiền gửi	-	56.812.216
Phải thu khác	23.144.197	46.159.103
TỔNG CỘNG	845.695.673	2.243.747.233

9. NỢ XẤU

Đối tượng nợ (*)	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Khách hàng sử dụng nước	223.463.391	116.585.832	223.463.391	128.500.350
Công ty Cổ phần Công trình Đô thị Bảo Lộc	24.346.500	-	24.346.500	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Phát triển Đông Đô 1 - BQP	279.161.343	-	279.161.343	-
Ban Quản lý dự án đầu tư XD TP Bảo Lộc	78.684.985	-	78.684.985	-
TỔNG CỘNG	605.656.219	116.585.832	605.656.219	128.500.350

(*) Đây là các khoản nợ quá hạn và đã được Công ty trích lập dự phòng cho giá trị phải thu như được trình bày tại *Thuyết minh số 6*.

Tình hình biến động dự phòng nợ phải thu khó đòi như sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
Số đầu năm	477.155.869	74.374.721
Trích lập dự phòng trong năm	11.914.518	402.781.148
Số cuối năm	489.070.387	477.155.869

10. HÀNG TỒN KHO

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	2.122.873.251	-	2.297.356.322	-
Công cụ, dụng cụ	157.540.264	-	73.387.976	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	837.498.528	-	672.940.236	-
TỔNG CỘNG	3.117.912.043	-	3.043.684.534	-

11. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị quản lý	VND
Nguyên giá:					
Số đầu năm	12.065.084.637	12.243.177.211	35.667.115.160	505.850.280	60.481.227.288
Mua trong năm	-	-	2.339.725.455	-	2.339.725.455
Số cuối năm	12.065.084.637	12.243.177.211	38.006.840.615	505.850.280	62.820.952.743
Trong đó:					
Đã khấu hao hết	3.292.798.748	9.645.913.183	2.288.028.178	459.077.553	15.685.817.662
Giá trị hao mòn lũy kế:					
Số đầu năm	9.180.693.720	11.103.834.175	19.857.943.228	476.227.553	40.618.698.676
Khấu hao trong năm	732.593.416	466.163.310	1.773.691.376	9.354.545	2.981.802.647
Số cuối năm	9.913.287.136	11.569.997.485	21.631.634.604	485.582.098	43.600.501.323
Giá trị còn lại:					
Số đầu năm	2.884.390.917	1.139.343.036	15.809.171.932	29.622.727	19.862.528.612
Số cuối năm	2.151.797.501	673.179.726	16.375.206.011	20.268.182	19.220.451.420



12. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

	VND		
	<i>Quyền sử dụng đất</i>	<i>Phần mềm máy tính</i>	<i>Tổng cộng</i>
Nguyên giá:			
Số đầu năm	195.000.000	350.000.000	545.000.000
Số cuối năm	<u>195.000.000</u>	<u>350.000.000</u>	<u>545.000.000</u>
<i>Trong đó:</i>			
<i>Đã khấu hao hết</i>	-	350.000.000	350.000.000
Giá trị hao mòn lũy kế:			
Số đầu năm	66.476.000	262.500.667	328.976.667
Hao mòn trong năm	5.909.000	87.499.333	93.408.333
Số cuối năm	<u>72.385.000</u>	<u>350.000.000</u>	<u>422.385.000</u>
Giá trị còn lại:			
Số đầu năm	128.524.000	87.499.333	216.023.333
Số cuối năm	<u>122.615.000</u>	<u>-</u>	<u>122.615.000</u>

13. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	VND	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Chi phí xây dựng các công trình tuyến ống	385.552.797	536.039.793
Chi phí xây dựng nhà máy nước mặt sông Đại Nga (*)	1.835.813.043	671.387.370
TỔNG CỘNG	<u>2.221.365.840</u>	<u>1.207.427.163</u>

(*) Đây là chi phí xây dự dự án Nhà máy nước mặt sông Đại Nga tại thành phố Bảo Lộc đã được Ủy ban nhân dân tỉnh Lâm Đồng chấp thuận chủ trương đầu tư đồng thời chấp thuận nhà đầu tư theo Quyết định số 1052/QĐ-UBND cấp lần đầu ngày 13 tháng 6 năm 2022.

14. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	VND	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Chi phí đồng hồ	1.026.823.651	1.243.069.930
Chi phí ống cấp 3	829.355.110	823.027.619
Chi phí ống trục chung	112.448.630	-
TỔNG CỘNG	<u>1.968.627.391</u>	<u>2.066.097.549</u>

15. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	Số cuối năm		Số đầu năm		VND
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	
Công ty TNHH Dịch vụ Bảo vệ Long Hồ	-	-	11.880.000	11.880.000	
Công ty Cổ phần Tư vấn Nam Khang	65.200.000	65.200.000	-	-	
Công ty Cổ phần DNP Holding	119.393.800	119.393.800	-	-	
TỔNG CỘNG	184.593.800	184.593.800	11.880.000	11.880.000	

16. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

	Số cuối năm		Số đầu năm		VND
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	
Công ty TNHH An Thành Sơn	-	-	-	225.000.000	
Ban Quản lý Dự án Đầu tư Xây dựng Công trình Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn tỉnh Lâm Đồng	-	-	-	231.000.000	
Ban Quản lý Dự án Đầu tư Xây dựng thành phố Bảo Lộc	393.221.347	393.221.347	393.221.347	214.300.000	
Công ty TNHH Xuân Long	43.141.548	43.141.548	43.141.548	-	
TỔNG CỘNG	436.362.895	436.362.895	436.362.895	670.300.000	

17. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Số đầu năm		Số cuối năm		VND
	Giá trị	Số phải nộp trong năm	Số đã nộp trong năm	Số cuối năm	
Thuế Giá trị gia tăng	25.906.570	381.630.202	(345.341.413)	62.195.359	
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	125.680.478	643.009.118	(646.121.901)	122.567.695	
Thuế Thu nhập cá nhân	16.611.754	29.087.727	(38.022.755)	7.676.726	
Thuế Tài nguyên	15.470.609	1.027.041.559	(958.299.638)	84.212.530	
Thuế Nhà đất và Tiền thuê đất	-	520.313.304	(520.313.304)	-	
Các loại thuế khác	235.687.151	3.138.924.401	(3.108.833.847)	265.777.705	
TỔNG CỘNG	419.356.562	5.740.006.311	(5.616.932.858)	542.430.015	

18. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	Số cuối năm		Số đầu năm		VND
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	
Chi phí trích trước công trình	111.193.254	111.193.254	111.193.254	111.193.254	
Chi phí đánh giá hiện trạng khai thác nước dưới đất	-	-	-	172.000.000	
Chi phí đánh giá trữ lượng và xin cấp phép khai thác sử dụng nước dưới đất	-	-	-	181.234.135	
Chi phí điện, nước tháng 12 năm 2023	288.238.189	288.238.189	288.238.189	-	
TỔNG CỘNG	399.431.443	399.431.443	399.431.443	464.427.389	

19. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Kinh phí công đoàn	7.780.528	7.780.528
Công ty Cổ phần Đầu tư Thiên Hòa An	346.854.812	346.854.812
Cổ tức, lợi nhuận phải trả	134.810.956	102.791.206
Các khoản phải trả, phải nộp khác	26.661.732	25.135.005
TỔNG CỘNG	<u>516.108.028</u>	<u>482.561.551</u>

20. QUỸ KHEN THƯỞNG VÀ PHÚC LỢI

Quỹ này được trích lập từ lợi nhuận chưa phân phối theo sự phê duyệt của các cổ đông tại cuộc họp cổ đông. Quỹ được sử dụng để chi trả các khoản khen thưởng và phúc lợi cho các nhân viên của Công ty theo chính sách khen thưởng và phúc lợi của Công ty. Biến động của Quỹ khen thưởng, phúc lợi trong năm như sau:

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	552.891.279	475.502.455
Trích lập trong năm (Thuyết minh số 22.1)	138.546.305	143.205.505
Sử dụng trong năm	(87.318.182)	(65.816.681)
Số cuối năm	<u>604.119.402</u>	<u>552.891.279</u>

21. QUỸ PHÁT TRIỂN KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	96.782.450	61.567.350
Trích lập trong năm (*)	36.714.620	56.566.100
Sử dụng trong năm	-	(21.351.000)
Số cuối năm	<u>133.497.070</u>	<u>96.782.450</u>

(*) Quỹ phát triển khoa học và công nghệ được trích lập theo hướng dẫn tại Công văn số 777/STC-ĐT ngày 09 tháng 4 năm 2020 của Sở Tài chính tỉnh Lâm Đồng.

Công ty Cổ phần Cấp thoát nước và Xây dựng Bảo Lộc

Thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Mẫu số B09-DN

22. VỐN CHỦ SỞ HỮU

22.1. Tình hình tăng giảm nguồn vốn chủ sở hữu

	Vốn cổ phần	Vốn khác của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	VND
Năm trước					
Số đầu năm	27.000.000.000	1.578.413.446	2.647.330.308	4.162.159.512	35.387.903.266
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	1.431.363.046	1.431.363.046
Trích lập quỹ từ lợi nhuận	-	-	143.205.504	(286.411.009)	(143.205.505)
Cổ tức công bố	-	-	-	(1.215.000.000)	(1.215.000.000)
Thù lao Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát	-	-	-	(45.900.000)	(45.900.000)
Số cuối năm	27.000.000.000	1.578.413.446	2.790.535.812	4.046.211.549	35.415.160.807
Năm nay					
Số đầu năm	27.000.000.000	1.578.413.446	2.790.535.812	4.046.211.549	35.415.160.807
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	794.671.357	794.671.357
Trích lập quỹ từ lợi nhuận (*)	-	-	138.546.305	(277.092.610)	(138.546.305)
Cổ tức công bố	-	-	-	(1.215.000.000)	(1.215.000.000)
Thù lao Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát (*)	-	-	-	(45.900.000)	(45.900.000)
Số cuối năm	27.000.000.000	1.578.413.446	2.929.082.117	3.302.890.296	34.810.385.859

(*) Trích lập quỹ từ lợi nhuận và thù lao Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát năm 2022 đã được Đại hội đồng cổ đông của Công ty thông qua tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 theo Nghị quyết số 162/NQ-ĐHĐCĐ ngày 28 tháng 6 năm 2023.

22.2. Chi tiết vốn cổ phần

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Số cổ phiếu	Tỷ lệ	Số cổ phiếu	Tỷ lệ
Vốn đầu tư của Nhà nước	20.503.000.000	75,94%	20.503.000.000	75,94%
Vốn góp các cổ đông khác	6.497.000.000	24,06%	6.497.000.000	24,06%
TỔNG CỘNG	27.000.000.000	100,00%	27.000.000.000	100,00%

22.3. Các giao dịch về vốn với các cổ đông và phân phối cổ tức

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Vốn cổ phần đã góp		
Vốn góp đầu năm và cuối năm	27.000.000.000	27.000.000.000
Cổ tức đã trả		
Cổ tức công bố	1.215.000.000	1.215.000.000
Cổ tức đã trả trong năm	(1.182.980.250)	(1.213.468.250)

Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 số 162/NQ-ĐHĐCĐ ngày 28 tháng 6 năm 2023, Đại hội đồng cổ đông của Công ty đã thông qua việc công bố mức chia cổ tức năm 2022 cho các cổ đông với số tiền là 1.215.000.000 VND.

22.4. Cổ phiếu

	Cổ phiếu	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu được phép phát hành	2.700.000	2.700.000
Số lượng cổ phiếu đã được phát hành và góp vốn đầy đủ	2.700.000	2.700.000
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>2.700.000</i>	<i>2.700.000</i>
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	2.700.000	2.700.000
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>2.700.000</i>	<i>2.700.000</i>

Cổ phiếu của Công ty đã được phát hành với mệnh giá 10.000 VND/cổ phiếu. Các cổ đông nắm giữ cổ phiếu phổ thông của Công ty được quyền hưởng cổ tức do Công ty công bố. Mỗi cổ phiếu phổ thông thể hiện một quyền biểu quyết, không hạn chế.

23. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Doanh thu thi công lắp đặt	2.369.123.345	1.081.553.311
Doanh thu bán hàng	210.296.411	198.591.113
Doanh thu cung cấp nước	32.755.108.586	30.775.576.938
TỔNG CỘNG	35.334.528.342	32.055.721.362

24. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Giá vốn của hoạt động thi công lắp đặt	1.995.465.251	897.458.004
Giá vốn của hoạt động bán hàng và cung cấp nước	23.189.076.584	20.003.874.515
TỔNG CỘNG	25.184.541.835	20.901.332.519

25. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi	306.133.224	273.368.030
TỔNG CỘNG	306.133.224	273.368.030

26. CHI PHÍ BÁN HÀNG

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí nhân viên bán hàng	2.025.578.123	2.227.575.697
Chi phí vật liệu, bao bì	984.893.283	1.749.136.504
Chi phí khấu hao Tài sản cố định	1.831.403.376	1.710.852.748
Chi phí dịch vụ mua ngoài	20.460.000	19.800.000
Chi phí bán hàng khác	787.071.724	924.564.119
TỔNG CỘNG	5.649.406.506	6.631.929.068

27. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí nhân viên quản lý	1.404.431.929	1.312.646.610
Chi phí đồ dùng văn phòng	23.962.740	-
Chi phí khấu hao Tài sản cố định	25.627.545	25.627.545
Thuế, phí và lệ phí	14.104.004	13.232.666
Chi phí dự phòng	11.914.518	402.781.148
Chi phí dịch vụ mua ngoài	213.952.807	79.418.761
Chi phí quản lý doanh nghiệp khác	1.279.314.877	1.058.150.742
TỔNG CỘNG	2.973.308.420	2.891.857.472

28. THU NHẬP KHÁC VÀ CHI PHÍ KHÁC

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Thu nhập khác		
Thu thanh lý đồng hồ, máy tính	-	7.900.926
Các khoản khác	2.586.060	10.348.987
	2.586.060	18.249.913
Chi phí khác		
Chi ủng hộ	(20.280.000)	(9.000.000)
Các khoản phạt	(576.319.424)	(457.003)
Các khoản khác	(22.152.389)	(25.049.259)
	(618.751.813)	(34.506.262)
LỖ KHÁC THUẦN	(616.165.753)	(16.256.349)

29. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	12.374.162.280	11.648.725.224
Chi phí nhân công	9.938.650.316	9.192.436.009
Chi phí khấu hao tài sản cố định	3.075.210.980	3.133.738.970
Chi phí dịch vụ mua ngoài	234.412.807	99.218.761
Các chi phí khác	8.184.820.377	5.885.918.498
TỔNG CỘNG	33.807.256.760	29.960.037.462

30. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Công ty có nghĩa vụ nộp Thuế Thu nhập Doanh nghiệp (thuế "TNDN") với thuế suất bằng 20% thu nhập chịu thuế từ tất cả các hoạt động kinh doanh.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

30.1. Chi phí thuế TNDN hiện hành

Dưới đây là đối chiếu chi phí thuế TNDN và kết quả của lợi nhuận kế toán trước thuế:

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	1.217.239.052	1.887.713.984
<i>Các khoản điều chỉnh tăng (giảm)</i>		
Các khoản phạt	576.319.424	457.003
Chi phí không được khấu trừ thuế khác	319.280.000	393.583.703
Thu nhập tính thuế	2.112.838.476	2.281.754.690
Thuế suất thuế Thu nhập doanh nghiệp	20%	20%
Chi phí thuế TNDN hiện hành	422.567.695	456.350.938

30.2. Thuế TNDN hiện hành

Thuế TNDN hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của năm hiện tại. Thu nhập chịu thuế của Công ty khác với thu nhập được báo cáo trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các năm khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế TNDN hiện hành phải trả của Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán.

31. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Thu nhập của các thành viên của Hội đồng Quản trị ("HĐQT"), Ban Kiểm soát và Ban Điều hành như sau:

		VND	
Họ tên	Chức vụ	Năm nay	Năm trước
Ông Nguyễn Trọng Hiếu	Chủ tịch HĐQT (tái bổ nhiệm từ ngày 28 tháng 6 năm 2023)	425.993.990	420.736.500
Ông Nguyễn Quốc Tuyền	Phó Chủ tịch HĐQT (miễn nhiệm từ ngày 23 tháng 02 năm 2022)	-	165.750.000
Ông Nguyễn Hữu Kiên	Thành viên HĐQT kiêm Giám đốc (bổ nhiệm từ ngày 28 tháng 6 năm 2023)	335.253.098	355.117.300
Bà Nguyễn Thị Thư Trúc	Thành viên HĐQT kiêm Kế toán trưởng (tái bổ nhiệm từ ngày 28 tháng 6 năm 2023)	331.217.356	339.180.000
Ông Nguyễn Đồng Anh Khoa	Thành viên HĐQT (tái bổ nhiệm từ ngày 28 tháng 6 năm 2023)	161.615.054	148.093.331
Ông Phạm Đức Tú	Thành viên HĐQT (bổ nhiệm từ ngày 28 tháng 6 năm 2023)	154.463.736	-
Ông Võ Thành Y	Thành viên HĐQT (miễn nhiệm từ ngày 28 tháng 6 năm 2023)	18.159.750	27.000.000
Bà Trần Thị Nga	Trưởng ban kiểm soát (tái bổ nhiệm từ ngày 28 tháng 6 năm 2023)	156.236.226	140.813.732

NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (TIẾP THEO)

Thu nhập của các thành viên của Hội đồng Quản trị ("HĐQT"), Ban Kiểm soát và Ban Điều hành như sau:

		VND	
Họ tên	Chức vụ	Năm nay	Năm trước
Bà Nguyễn Diễm Thuỳ Dung	Thành viên ban kiểm soát (tái bổ nhiệm từ ngày 28 tháng 6 năm 2023)	134.051.211	118.035.442
Ông Nguyễn Văn Tiến	Thành viên ban kiểm soát (bổ nhiệm từ ngày 28 tháng 6 năm 2023)	148.919.475	-
Ông Lê Ngọc Vân	Thành viên ban kiểm soát (miễn nhiệm từ ngày 28 tháng 6 năm 2023)	9.450.000	18.900.000
TỔNG CỘNG		1.875.359.896	1.733.626.305

32. LÃI TRÊN CỔ PHIẾU

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận sau thuế (VND)	794.671.357	1.431.363.046
Trừ quỹ khen thưởng phúc lợi	-	(138.546.305)
Lợi nhuận thuần sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông (VND)	794.671.357	1.292.816.741
Số lượng cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân	2.700.000	2.700.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	294	479

Công ty không có cổ phiếu phổ thông tiềm năng suy giảm trong năm và đến ngày lập báo cáo tài chính này.

Lợi nhuận dùng để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu cho năm 2022 đã được điều chỉnh lại so với số liệu đã trình bày trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán năm 2022 để phản ánh khoản thực trích quỹ khen thưởng, phúc lợi từ lợi nhuận để lại của năm 2022 theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 162/NQ-ĐHĐCĐ ngày 28 tháng 6 năm 2023. Do đó, lãi cơ bản trên cổ phiếu năm 2022 được điều chỉnh từ 530 VND/cổ phiếu thành 479 VND/cổ phiếu.

Lợi nhuận dùng để tính lãi trên cổ phiếu cho năm 2023 chưa được điều chỉnh giảm cho khoản trích quỹ khen thưởng, phúc lợi từ lợi nhuận của năm 2023 do chưa có Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông để trích lập quỹ từ nguồn lợi nhuận sau thuế cho năm hiện tại.

33. CAM KẾT LIÊN QUAN ĐẾN CÁC CHI PHÍ ĐẦU TƯ LỚN

Ngày 28 tháng 12 năm 2023, Công ty (Chủ đầu tư) đã ký hợp đồng số 08/2023/BWA-PECOM với Công ty Cổ phần Bơm Châu Âu (Nhà thầu) về việc thi công xây dựng gói thầu "Thi công xây dựng và lắp đặt thiết bị nhà máy" thuộc Dự án Nhà máy nước mặt sông Đại Nga tại thành phố Bảo Lộc với tổng giá trị hợp đồng là 30.521.238.000 VND. Ngày 01 tháng 02 năm 2024, Chủ đầu tư đã tạm ứng cho Nhà thầu 20% giá trị hợp đồng tương đương 6.104.247.600 VND theo quy định trong hợp đồng để triển khai thực hiện các công việc theo hợp đồng trên.

34. MỤC ĐÍCH VÀ CHÍNH SÁCH QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH

Nợ phải trả tài chính của Công ty chủ yếu bao gồm các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác. Mục đích chính của những khoản nợ phải trả tài chính này là nhằm huy động nguồn tài chính phục vụ các hoạt động của Công ty. Công ty có các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác, tiền mặt và tiền gửi ngắn hạn phát sinh trực tiếp từ hoạt động của Công ty. Công ty không nắm giữ hay phát hành công cụ tài chính phái sinh.

Công ty có rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Nhiệm vụ quản lý rủi ro là nhiệm vụ không thể thiếu cho toàn bộ hoạt động kinh doanh của Công ty. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Điều hành liên tục theo dõi quy trình quản lý rủi ro của Công ty để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Ban Điều hành xem xét và thống nhất áp dụng các chính sách quản lý cho những rủi ro nói trên như sau.

Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Giá thị trường có bốn loại rủi ro: rủi ro lãi suất, rủi ro giá hàng hóa và rủi ro về giá khác, chẳng hạn như rủi ro về giá cổ phần. Công cụ tài chính bị ảnh hưởng bởi rủi ro thị trường bao gồm các khoản tiền gửi, các khoản đầu tư sẵn sàng để bán.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường. Rủi ro thị trường do thay đổi lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến tiền và các khoản tiền gửi ngắn hạn của Công ty. Đây là các khoản đầu tư ngắn hạn và không được Công ty nắm giữ nhằm mục đích thu lợi từ sự tăng lên trong giá trị.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

Công ty không thực hiện phân tích độ nhạy đối với lãi suất vì rủi ro do thay đổi lãi suất của Công ty tại ngày lập báo cáo là không đáng kể.

Rủi ro về giá hàng hóa

Công ty có rủi ro về giá hàng hóa do thực hiện mua một số loại hàng hoá nhất định. Công ty quản lý rủi ro về giá hàng hóa thông qua việc theo dõi chặt chẽ các thông tin và tình hình có liên quan của thị trường hàng hóa nhằm quản lý thời điểm mua hàng, kế hoạch sản xuất và mức hàng tồn kho một cách hợp lý. Công ty chưa sử dụng các công cụ phái sinh đảm bảo để phòng ngừa các rủi ro về giá hàng hóa.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng khách hàng không thực hiện các nghĩa vụ của mình, dẫn đến tổn thất về tài chính. Công ty có rủi ro tín dụng từ các hoạt động sản xuất kinh doanh của mình (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng sử dụng nước) và từ hoạt động tài chính của mình, bao gồm tiền gửi ngân hàng và các công cụ tài chính khác.

Phải thu khách hàng sử dụng nước

Công ty thường xuyên theo dõi các khoản phải thu khách hàng chưa thu được và yêu cầu mở thư tín dụng hoặc các hình thức bảo hiểm tín dụng khác cho mọi lần chuyển hàng cho các khách hàng lớn. Đối với các khách hàng lớn, Công ty thực hiện xem xét sự suy giảm trong chất lượng tín dụng của từng khách hàng tại ngày lập báo cáo. Công ty tìm cách duy trì kiểm soát chặt chẽ đối với các khoản phải thu tồn đọng và thành lập một bộ phận kiểm soát tín dụng để giảm thiểu rủi ro tín dụng. Trên cơ sở này và việc các khoản phải thu khách hàng của Công ty có liên quan đến nhiều khách hàng khác nhau, rủi ro tín dụng không bị tập trung đáng kể vào một khách hàng nhất định.

MỤC ĐÍCH VÀ CHÍNH SÁCH QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Rủi ro tín dụng (tiếp theo)

Tiền gửi ngân hàng

Công ty chủ yếu duy trì số dư tiền gửi tại các ngân hàng được nhiều người biết đến ở Việt Nam. Rủi ro tín dụng đối với số dư tiền gửi tại các ngân hàng được quản lý bởi bộ phận ngân quỹ của Công ty theo chính sách của Công ty. Rủi ro tín dụng tối đa của Công ty đối với các khoản mục trong bảng cân đối kế toán tại mỗi kỳ lập báo cáo tài chính là giá trị ghi sổ như trình bày trong Thuyết minh số 4. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

Ngoại trừ các tài sản tài chính mà Công ty đã lập dự phòng như trong Thuyết minh số 6, Ban Điều hành của Công ty đánh giá rằng tất cả các tài sản tài chính đều trong hạn và không bị suy giảm vì các tài sản tài chính này đều liên quan đến các khách hàng có uy tín và có khả năng thanh toán tốt ngoại trừ các khoản phải thu sau đây được coi là quá hạn nhưng chưa bị suy giảm vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty giám sát rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một lượng tiền và các khoản tương đương tiền và các khoản vay ngân hàng ở mức mà Ban Giám đốc cho là đủ để đáp ứng cho các hoạt động của Công ty và để giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

Các công cụ tài chính khác

Bảng dưới đây tổng hợp thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính của Công ty dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng trên cơ sở được chiết khấu:

	VND		
	Dưới 1 năm	Từ 1-5 năm	Tổng cộng
Số cuối năm			
Phải trả người bán	184.593.800	-	184.593.800
Chi phí phải trả và khoản phải trả khác	915.539.471	-	915.539.471
	1.100.133.271	-	1.100.133.271
Số đầu năm			
Phải trả người bán	11.880.000	-	11.880.000
Chi phí phải trả và khoản phải trả khác	946.988.940	-	946.988.940
	958.868.940	-	958.868.940

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có đủ khả năng tiếp cận các nguồn vốn và các khoản vay đến hạn thanh toán trong vòng 12 tháng có thể được tái tục với các bên cho vay hiện tại

Tài sản đảm bảo

Công ty không nắm giữ tài sản đảm bảo của một bên khác vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và ngày 31 tháng 12 năm 2022.

35. TÀI SẢN TÀI CHÍNH VÀ NỢ PHẢI TRẢ TÀI CHÍNH

Bảng dưới đây trình bày giá trị ghi sổ và giá trị hợp lý của các công cụ tài chính được trình bày trong báo cáo tài chính của Công ty.

	Giá trị ghi sổ				Giá trị hợp lý		VND
	Số cuối năm		Số đầu năm		Số cuối năm	Số đầu năm	
	Nguyên giá	Dự phòng	Nguyên giá	Dự phòng			
Tài sản tài chính							
Các khoản đầu tư nắm giữ để kinh doanh	7.956.156.553	-	7.601.265.830	-	7.956.156.553	7.601.265.830	
Phải thu khách hàng	2.551.774.863	(489.070.387)	1.351.308.150	(477.155.869)	2.062.704.476	874.152.281	
Phải thu khác	845.695.673	-	2.243.747.233	-	845.695.673	2.243.747.233	
Tiền và các khoản tương đương tiền	2.699.663.488	-	2.500.847.330	-	2.699.663.488	2.500.847.330	
TỔNG CỘNG	14.053.290.577	(489.070.387)	13.697.168.543	(477.155.869)	13.564.220.190	13.220.012.674	

TÀI SẢN TÀI CHÍNH VÀ NỢ PHẢI TRẢ TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Bảng dưới đây trình bày giá trị ghi sổ và giá trị hợp lý của các công cụ tài chính được trình bày trong báo cáo tài chính của Công ty.

	Giá trị ghi sổ		Giá trị hợp lý		VND
	Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm	
	Nợ phải trả tài chính				
Phải trả người bán	184.593.800	11.880.000	184.593.800	11.880.000	
Phải trả khác	516.108.028	482.561.551	516.108.028	482.561.551	
TỔNG CỘNG	700.701.828	494.441.551	700.701.828	494.441.551	

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị mà công cụ tài chính có thể được chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên tham gia, ngoại trừ trường hợp bắt buộc phải bán hoặc thanh lý.

Công ty sử dụng phương pháp và giả định sau đây được sử dụng để ước tính giá trị hợp lý:

Giá trị hợp lý của tiền mặt và tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng, các khoản phải trả người bán và nợ phải trả ngắn hạn khác tương đương với giá trị ghi sổ của các khoản mục này do những công cụ này có kỳ hạn ngắn.

36. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Nợ khó đòi đã xử lý

	Nguyên nhân	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty TNHH Quốc Minh	Không có khả năng thu hồi	14.554.000	14.554.000
Ban Quản lý Dự án Đầu tư và Xây dựng Đa Têh	Không có khả năng thu hồi	13.700.000	13.700.000
Khách hàng sử dụng nước	Không có khả năng thu hồi	17.103.300	17.103.300
CỘNG		45.357.300	45.357.300

Khoản nợ phải thu tiền hàng với số tiền 45.357.300 VND đã được xóa sổ do Công ty xác định không có khả năng thu hồi.

37. CÁC SỰ KIỆN QUAN TRỌNG TRONG NĂM

Ngày 27 tháng 6 năm 2023, Ủy ban nhân dân tỉnh Lâm Đồng ra Quyết định số 1249/QĐ-UBND về việc cử người đại diện cơ quan đại diện chủ sở hữu quản lý phần vốn nhà nước nắm giữ và giữ chức danh quản lý tại Công ty Cổ phần Cấp thoát nước và Xây dựng Bảo Lộc nhiệm kỳ 2023 - 2028, như sau:

- Người đại diện thứ nhất: Ông Nguyễn Trọng Hiếu làm người đại diện cơ quan đại diện chủ sở hữu quản lý 50% phần vốn nhà nước và giữ chức vụ Chủ tịch HĐQT Công ty.
- Người đại diện thứ hai: Ông Nguyễn Hữu Kiên làm người đại diện cơ quan đại diện chủ sở hữu quản lý 25% phần vốn nhà nước và giữ chức vụ Thành viên HĐQT kiêm Giám đốc Công ty.
- Người đại diện thứ ba: Bà Nguyễn Thị Thư Trúc làm người đại diện cơ quan đại diện chủ sở hữu quản lý 25% phần vốn nhà nước và giữ chức vụ Thành viên HĐQT Công ty.

Ngày 13 tháng 02 năm 2023, Ủy ban nhân dân tỉnh Lâm Đồng đã chấp thuận chủ trương đầu tư Dự án Đầu tư hệ thống mạng lưới đường ống cấp nước thành phố Bảo Lộc giai đoạn 1 theo công văn số 939/UBND-TL. Dự án có tổng mức đầu tư là 52.533.000.000 VND, trong đó sử dụng nguồn vốn vay từ Quỹ Đầu tư phát triển tỉnh là 46.200.000.000 VND và sử dụng vốn tự có là 6.333.000.000 VND.

38. CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Không có sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán yêu cầu phải được điều chỉnh hay trình bày trong Báo cáo tài chính của Công ty.



Nguyễn Thị Thư Trúc
Người lập biểu - Kế toán trưởng



Nguyễn Trọng Hiếu
Chủ tịch Hội đồng quản trị

Bảo Lộc, ngày 25 tháng 3 năm 2024





Tạo Dựng Uy Tín và Niềm Tin

❖ **Trụ Sở Chính :**

Địa chỉ : 64/4 Đường ĐHT 21, phường Đông Hưng Thuận, Quận 12, TP. Hồ Chí Minh.
Tel : (028) 3636 4038 - 3636 4039 Fax : (028) 3719 3949
Email : congty@kiemtoanfac.vn

❖ **Chi nhánh Nha Trang :**

Địa chỉ : 27 Đường Đàm Quang Trung, Khu Đô Thị Vĩnh Diễm Trung, Xã Vĩnh Hiệp, TP. Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa.
Tel : (0-258) 627 0027 Fax : (0-258) 389 3377
Email : cnnhatrang@kiemtoanfac.vn

❖ **Chi nhánh Đệ Nhất :**

Địa chỉ : 169 Trương Công Định, Phường 3, TP. Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu.
Tel : (0-254) 354 3866 - 221 0287 Fax : (0-254) 6253070
Email : cndenhat@kiemtoanfac.vn

❖ **Chi nhánh Miền Trung :**

Địa chỉ : 49 Hoàng Hữu Nam, Phường Hòa Thuận, TP. Tam Kỳ, Tỉnh Quảng Nam.
Tel : (0-235) 222 6889 Fax : (0-235) 336 8876
Email : cnmientrung@kiemtoanfac.vn

❖ **Chi nhánh Hà Nội :**

Địa chỉ : Phòng 2M05, Tầng 2A, Tòa nhà Cowa Tower, số 199 Hồ Tùng Mậu, P. Cầu Diễn, Q. Nam Từ Liêm, TP. Hà Nội.
Tel : (0-24) 7300 7886
Email : cnhanoi@kiemtoanfac.vn